

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1**
- Mã chứng khoán: **TV1**
- Trụ sở chính: Km 9 + 200, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 22.148.374; 22.148.365 Fax: (84.4) 35.520.670
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Tài Sơn.**
- Chức vụ: **Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.**
- Địa chỉ: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1, Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 22.148.368 Fax: (84.4) 35.520.670
- Loại công bố thông tin: **Định kỳ**
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2016**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10 /04/2017 tại đường dẫn <http://www.pecc1.com.vn> của công ty

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TH.

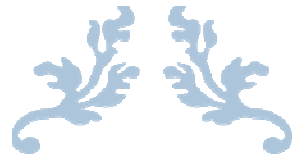
Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Tài Sơn

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2016.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



EVNPECC1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

MỤC LỤC

A. Thông tin chung	2
I. Thông tin khái quát	2
II. Quá trình hình thành và phát triển	2
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
B. Tình hình hoạt động trong năm	11
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
II. Tổ chức và nhân sự	17
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	22
IV. Tình hình tài chính	33
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	35
C. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	44
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	44
II. Tình hình tài chính	56
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	56
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai	57
V. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.....	58
D. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	58
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty.....	58
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và người đại diện tại các Công ty TNHH một thành viên.	61
III. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	61
E. Quản trị công ty	63
I. Hội đồng quản trị	63
II. Ban Kiểm soát.....	65
III. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Q Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan.....	67
IV. Các khoản lợi ích khác:.....	70
V. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	71
VI. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	71
F. Báo cáo tài chính	72
I. Ý kiến kiểm toán độc lập	72
II. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	72

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**A. Thông tin chung****I. Thông tin khái quát**

1. Tên giao dịch:
 - 1.1. Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1
 - 1.2. Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company 1
 - 1.3. Tên viết tắt: Pecc1
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 09/09/2014.
3. Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
4. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016: **327.131.209.257** đồng
5. Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
6. Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
7. Số fax: (84.4) 35520670; (84-4) 38541208
8. Website: <http://www.pecc1.com.vn>
9. Mã cổ phiếu: **TV1**

II. Quá trình hình thành và phát triển**1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 (EVNPECC1) được hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm lịch sử:

Viện thiết kế Tổng hợp thành lập năm 1960, đến năm 1967 được đổi tên là Viện Quy hoạch và thiết kế điện, đến năm 1980 là Viện thiết kế điện.

Ngày 01/07/1982 Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi. Năm 1988 Công ty được đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện 1. Năm 1999 được đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 1.

2. Các sự kiện khác

Ngày 02/01/2008 Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 100 tỷ đồng, Hiện nay vốn điều lệ của Công ty là 266.913.190.000 đ, chia thành 26.691.319 cổ phần trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 54,34%, các cổ đông khác nắm giữ 45,66 % cổ phần (riêng Người nội bộ và người có liên quan nắm giữ 4.698.627 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,604 % vốn điều lệ)

Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ; Công ty không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 26.691.319 cổ phiếu, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

Số lượng cổ phiếu của công ty đã được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Năm 2008, các cổ đông của Công ty nhận cổ tức năm 2008 bằng tiền mặt; tỷ lệ thực hiện 18% (01 cổ phiếu được nhận 1.800 đồng); số tiền thanh toán cổ tức là 18.000.000.000 đồng;

Quyết định số 201/QĐ-SGDHCM ngày 14/09/2010, HOSE chấp thuận cho Công ty được đăng ký niêm yết 10.000.000 cổ phiếu:

- + Ngày niêm yết có hiệu lực: 14/06/2010
- + Ngày chính thức giao dịch: 23/09/2010

Quyết định số 01/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04/01/2011, HOSE chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 7.400.000 cổ phiếu; trong đó: 2.000.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện 20%) và 5.400.000 cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện 54%):

- + Ngày ĐKCC: 01/10/2010
- + Ngày giao dịch không hưởng quyền: 29/09/2010
- + Ngày niêm yết có hiệu lực: 04/01/2011
- + Ngày chính thức giao dịch: 11/01/2011

Quyết định số 158/2011/QĐ-SGDHCM ngày 20/10/2011, HOSE chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 2.609.765 cổ phiếu; đây là số lượng cổ phiếu để trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện 15%):

- + Ngày ĐKCC: 23/09/2011
- + Ngày giao dịch không hưởng quyền: 21/09/2011
- + Ngày niêm yết có hiệu lực: 24/10/2011
- + Ngày chính thức giao dịch: 07/11/2011

Quyết định số 97/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18/07/2012, HOSE chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 3.000.771 cổ phiếu; đây là số lượng cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện 15%):

- + Ngày ĐKCC: 22/06/2012
- + Ngày giao dịch không hưởng quyền: 20/06/2012
- + Ngày niêm yết có hiệu lực: 20/07/2012
- + Ngày chính thức giao dịch: 03/08/2012

Ngày 05/07/2013, HOSE ban hành văn bản số 669/2013/TB-SGDHCM chấp thuận ngày ĐKCC chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt; số tiền thanh toán cổ tức là 27.612.643.200 đồng:

- + Ngày ĐKCC: 22/07/2013
- + Ngày giao dịch không hưởng quyền: 18/07/2013
- + Tỷ lệ thực hiện: 12%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng)
- + Thời gian thực hiện: 09/08/2013

Quyết định số 280/QĐ-SGDHCM ngày 23/07/2014, HOSE chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 3.680.783 cổ phiếu; đây là số lượng cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện 16%):

- + Ngày ĐKCC: 19/06/2014
- + Ngày giao dịch không hưởng quyền: 17/06/2014
- + Ngày niêm yết có hiệu lực: 25/07/2014
- + Ngày chính thức giao dịch: 01/08/2014

Ngày 17/09/2015, HOSE ban hành văn bản số 970/TB-SGDHCM chấp thuận ngày ĐKCC chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt; số tiền thanh toán cổ tức là 40.036.978.500 đồng.

- + Ngày ĐKCC: 02/10/2015
- + Ngày giao dịch không hưởng quyền: 30/09/2015
- + Tỷ lệ thực hiện: 15%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng);
- + Thời gian thực hiện: 22/10/2015.

Ngày 20/09/2016, HOSE ban hành văn bản số 997/TB-SGDHCM chấp thuận ngày ĐKCC chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt; số tiền thanh toán cổ tức là 28.025.884.950 đồng.

- + Ngày ĐKCC: 30/09/2016
- + Ngày giao dịch không hưởng quyền: 29/09/2016
- + Tỷ lệ thực hiện: 10,5%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 1.050 đồng);
- + Thời gian thực hiện: 26/10/2016.

Tính đến ngày 31/12/2016:

+ Tổng số lượng chứng khoán của Công ty niêm yết trên HOSE là 26.691.319 cổ phiếu (số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu; số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phiếu; số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác: 0 cổ phiếu).

+ Tổng giá trị niêm yết cổ phiếu (theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) là 266.913.190.000 đồng.

III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty: Tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; Sản xuất, kinh doanh điện năng; thiết kế đường dây và trạm biến áp 500 kV; thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp 220 Kv; thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; sản xuất thiết bị, linh kiện điện, điện tử cho dự án điện tử, viễn thông; đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, đường dây và trạm biến áp; đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn; lập, thẩm tra quy hoạch phát triển ngành điện, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện mặt trời, địa nhiệt, điện thủy triều, năng lượng nguyên tử và điện hạt nhân; quy hoạch tổng hợp lưu vực sông quy mô liên tỉnh; quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình; kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Kiểm định an toàn đập; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm tra báo cáo đánh giá tác

động môi trường; báo cáo đầu tư xây dựng công trình; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các công trình sau: dân dụng, năng lượng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi...

2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty là doanh nghiệp tư vấn hàng đầu của Ngành điện Việt Nam, đã và đang thực hiện toàn bộ công tác tư vấn thiết kế, khảo sát, thí nghiệm... và là tư vấn chính cho nhiều dự án công trình điện quan trọng, quy mô lớn, phức tạp của Việt Nam cũng như ở CHDCND Lào, Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Cameroon...

3. Các dự án điển hình:

Dự án thủy điện: Sơn La công suất 2400 MW, đập bê tông đầm lăn cao 138m; Bản Vẽ công suất 320MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Tuyên Quang công suất 342MW, đập đá đổ bản mặt bê tông, cao 92m; Luangprabang trên dòng chính sông MeKông (Lào), công suất 1100MW; Hạ Sê San 2 (Campuchia), công suất 400MW...

Tháng 12/2016, Bộ Xây dựng trao giải công trình chất lượng cao năm 2016 cho hạng mục "Nhà thầu thiết kế" Công trình nhà máy thủy điện Lai Châu cho Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 và cá nhân ông Nguyễn Tài Sơn - Tổng Giám đốc, ông Phạm Nguyên Hùng - Phó Tổng Giám đốc. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 là nhà thầu thiết kế chính thủy điện Lai châu; nhà máy có công suất 1200MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m, tổng mức đầu tư 35.700 tỷ đồng và là công trình xây dựng cấp đặc biệt, sản lượng điện trung bình hàng năm đạt khoảng 4,7 tỷ kWh, khánh thành ngày 20/12/2016 sớm trước 01 năm so với yêu cầu của Quốc hội.

Dự án hồ chứa: hồ chứa nước Đập Hàn, Nước Trong...

Dự án nhiệt điện: Uông Bí MR1,2 tổng công suất 600MW; Quảng Ninh 1,2 tổng công suất 1200MW; Thái Bình 1 công suất 600MW; Thái Bình 2 tổng công suất 1200MW; Dung Quất tổng công suất 1200 MW; Mông Dương 1 tổng công suất 1080 MW; Mông Dương 2 tổng công suất 1120 MW; Nghi Sơn 1 tổng công suất 600 MW; Nghi Sơn 2 tổng công suất 1200MW...

Dự án lưới điện: Đường dây và trạm đồng bộ 500kV Bắc Nam mạch 1, 2; Đường dây 500 kV Sơn La-Lai Châu; Đường dây 500/220kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2; Đường dây 500/220 kV Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín; Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500 kV, 220 kV khu vực miền Bắc; Nâng công suất TBA 500 kV Sơn La và nhiều đường dây, trạm 500 kV, 220kV, 110kV...

Dự án điển hình năm 2016:

- Thủy điện: A Lin, A Roàng, Bảo Lâm 1, Bắc Hà, Dốc Cáy, Đắc Rinh, Hạ Nậm Non, Ialy mở rộng, Khao Man Thượng, Nậm Ban...
- Nhiệt điện: Quỳnh Lập 2, Quảng Trị, Long Phú 2, An Khánh 1...
- Điện hạt nhân: Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1...
- Lưới điện: TBA 220 kV Cao Bằng, TBA 220 kV Hà Giang, ĐDK 220 kV Hà Tĩnh-Formosa, TBA 500 kV Việt Trì và đầu nối, TBA 500 kV Đông Anh và đầu nối, Trạm Back to back, tuyến cáp ngầm 220 kV Nhà Bè-Tao Đàn, ĐDK 220 kV Mường Tè – Lai Châu, đưa điện ra huyện đảo Cô tô tỉnh Quảng Ninh...

Đội ngũ chuyên gia và kỹ sư của Công ty có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được thử thách từ thực tế các dự án trong nước, quốc tế và có nhiều thời gian làm việc với chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu của các công ty tư vấn nổi tiếng quốc tế.

Công ty luôn đi đầu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến của thế giới, ứng dụng các phần mềm tính toán hiện đại, đổi mới các thiết bị thí nghiệm vào công tác tư vấn thiết

kế các công trình, đặc biệt là công trình ở vùng có động đất mạnh, địa chất phức tạp, hồ chứa có dung tích nước lớn, nhà máy điện ngầm và hồ với công suất lớn, tiêu biểu là:

Thiết kế đập đá đổ bản mặt bê tông là công nghệ mới mà Công ty đưa vào áp dụng đầu tiên tại Việt Nam và đã thành công tại dự án Thủy điện Tuyên Quang, đã đưa hồ chứa vào vận hành sớm 2 năm và giảm chi phí hàng trăm tỉ đồng. Với việc lựa chọn công nghệ bê tông đầm lăn (RCC) cho đập Thủy điện Sơn La cho phép đưa tổ máy số 1 vào vận hành sớm 2 năm và hoàn thành công trình sớm 3 năm so với kế hoạch được duyệt... Công nghệ RCC đã và đang được thực hiện cho đập thủy điện Plei Krông, Bản Vẽ, Bản Chát, Lai Châu và một số thủy điện khác;

Tính toán lựa chọn tối ưu các công nghệ lò hơi phù hợp với đặc thù chất lượng than Việt Nam và thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường;

Tính toán phân tích hệ thống, lựa chọn thiết bị đồng bộ cho thiết kế đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện có điện áp đến 500kV. Thiết kế trạm GIS điện áp đến 500kV;

Các thiết bị khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý hiện đại có độ chính xác cao. Khảo sát địa chất theo phương pháp đo địa chấn khúc xạ để xác định điều kiện địa chất nền, các thông số sóng dọc, sóng ngang, mô đun khối, mô đun đàn hồi động, mô đun trượt động... cho tính toán động đất và thiết kế công trình, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của nền và vật liệu để phục vụ thiết kế công trình;

Công tác nghiên cứu, thí nghiệm vật liệu bê tông đã có bước đột phá, đã áp dụng kinh nghiệm và các tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong việc lựa chọn cấp phối liên tục, cho phép khắc phục những khó khăn về kỹ thuật để đổ bê tông khối lớn với tốc độ nhanh, đáp ứng yêu cầu an toàn, kinh tế và giảm thời gian xây dựng;

Các dự án do Công ty thực hiện luôn đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần kịp thời cung cấp nguồn điện năng phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Công ty đã được Nhà nước trao tặng Danh hiệu anh hùng lao động, Huân chương độc lập hạng nhì, nhiều Huân chương lao động và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

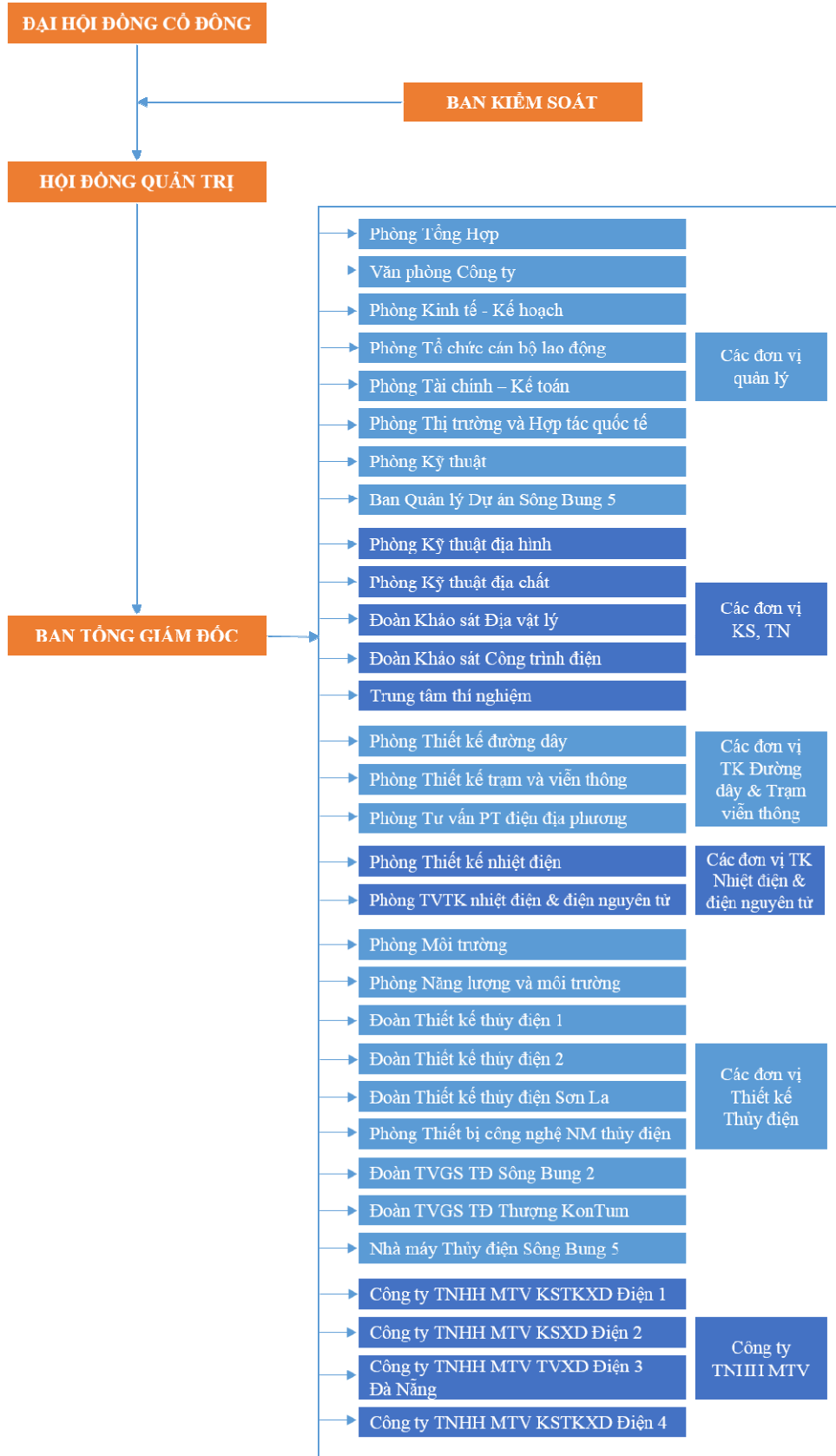
Để phát triển bền vững, Công ty đã đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Sông Bung 5 với hình thức đầu tư là Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh. Dự án với công suất 57MW, điện lượng bình quân năm 230,34 triệu kWh, dự án được xây dựng trên Sông Bung thuộc địa phận huyện Nam Giang và Đông Giang tỉnh Quảng Nam. TM1 đã phát điện thương mại từ ngày 28/12/2012; TM2 đã phát điện thương mại từ ngày 19/07/2013.

Năm 2013 doanh thu bán điện: 172,257 tỷ đồng; năm 2014 doanh thu bán điện: 127,979 tỷ đồng; năm 2015 doanh thu bán điện: 158,863 tỷ đồng; năm 2016 doanh thu bán điện: 173,692 tỷ đồng, tăng 9,3% so với năm 2015.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới trang thiết bị công nghệ, đầu tư nguồn lực để thực hiện các dự án điện năng lượng tái tạo, dự án điện hạt nhân nhằm cung cấp dịch vụ kỹ thuật tốt nhất cho khách hàng, đồng thời với việc đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Sông Bung 5 hiệu quả sẽ góp phần nâng cao thương hiệu mạnh PECC 1, nâng cao giá trị công ty, xây dựng Công ty phát triển bền vững

IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1. Mô hình quản trị



2. Cơ cấu bộ máy quản lý

2.1 Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội.

2.2 Hội đồng quản trị:

Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo Quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

Ông Lê Minh Hà	- Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tài Sơn	- Thành viên
Ông Phạm Việt Hùng	- Thành viên
Ông Phạm Nguyên Hùng	- Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	- Thành viên

2.3 Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát Công ty:

Bà Trịnh Thúy Quỳnh BKS từ ngày 26/04/2016)	- Nguyên trưởng ban (không còn là thành viên)
Ông Mai Hữu Thung	- Thành viên
Bà Lê Thị Ngọc Bích ngày 26/04/2016)	- Thành viên (không còn là thành viên BKS từ ngày 26/04/2016)
Bà Cao Thúy Nga	- Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26/04/2016)
Bà Nguyễn Hoàng Diệp	- Thành viên (từ ngày 26/04/2016)

2.4 Ban Tổng Giám đốc:

Bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Danh sách Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm:

Ông Nguyễn Tài Sơn	- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyên Hùng	- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hoàng Cầm	- Phó Tổng Giám đốc

2.5 Các phòng chức năng

- Phòng Tổng hợp: tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc, những Người đại diện phân vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Công ty Mẹ, Cổ đông Nhà nước đồng thời là cổ đông lớn nắm giữ cổ phần chi phối) trong việc quản lý, điều hành công ty.
- Văn phòng Công ty: quản lý các lĩnh vực công tác hành chính, quản trị, thi đua khen thưởng, y tế, phục vụ, bảo vệ cơ quan Công ty; công tác quản lý phương tiện giao thông và văn phòng phẩm.
- Phòng Kinh tế - Kế hoạch: quản lý điều hành công tác kế hoạch, thống kê về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng; kinh doanh điện năng và dịch vụ khách hàng; xúc tiến đầu tư và theo dõi các dự án đầu tư xây dựng; công tác đấu thầu.
- Phòng Tổ chức cán bộ lao động: quản lý lao động, đào tạo nhân sự, công tác tiền lương, chế độ và chính sách đối với người lao động; thanh tra, bảo vệ, pháp chế; thi đua, tuyên truyền; công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động.
- Phòng Kỹ thuật: quản lý chất lượng; kỹ thuật công nghệ; công tác sáng kiến; cải tiến kỹ thuật, thư viện và lưu trữ kỹ thuật, công tác thông tin và công nghệ tin học. Chủ trì tổ chức, đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan lập hồ sơ chào thầu, giải quyết thủ tục, đăng ký, tham dự đấu thầu dự án, công trình.
- Phòng Tài chính - Kế toán: công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; xúc tiến và quản lý công tác đầu tư tài chính; chi trả lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Phòng Thị trường và hợp tác quốc tế: đánh giá tiềm năng, nghiên cứu phát triển thị trường và điều hành công việc trong các lĩnh vực tư vấn hợp tác quốc tế.

2.6 Các đơn vị sản xuất thuộc Công ty

2.6.1. Các đơn vị kỹ thuật, khảo sát, thí nghiệm

- ✓ Phòng Kỹ thuật địa hình
- ✓ Phòng Kỹ thuật địa chất
- ✓ Đoàn Khảo sát địa vật lý
- ✓ Đoàn Khảo sát công trình điện
- ✓ Trung tâm thí nghiệm

2.6.2. Các đơn vị thiết kế đường dây, trạm và viễn thông

- ✓ Phòng Thiết kế đường dây
- ✓ Phòng Tư vấn phát triển điện địa phương
- ✓ Phòng Thiết kế trạm và viễn thông

2.6.3. Các đơn vị thiết kế nhiệt điện và điện nguyên tử

- ✓ Phòng Thiết kế nhiệt điện
- ✓ Phòng Tư vấn thiết kế nhiệt điện và điện nguyên tử

2.6.4. Các đơn vị thiết kế thủy điện

- ✓ Phòng Năng lượng và môi trường
- ✓ Đoàn Thiết kế thủy điện 1
- ✓ Đoàn Thiết kế thủy điện 2

- ✓ Đoàn Thiết kế thủy điện Sơn La
- ✓ Phòng Thiết bị công nghệ nhà máy thủy điện
- ✓ Phòng Môi trường
- ✓ Đoàn Tư vấn giám sát công trình thủy điện Sông Bung 2
- ✓ Đoàn Tư vấn giám sát công trình thủy điện Thượng Kom Tum

2.6.5. Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 5

2.6.6. Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

3. Các công ty TNHH một thành viên do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 làm chủ sở hữu (Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ 100%; Quyền biểu quyết của Công ty mẹ 100%)

3.1. Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 1

- Trụ sở đăng ký: Km2 đường Phùng Hưng, phường Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.22.148.501 Fax: 04.33.542.806
- Email: picd1@pecc1.com.vn
- Vốn điều lệ: 17.102.000.000 đồng (*)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104005901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/04/2009. Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 21.600.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật:
Họ và tên: Huỳnh Phong; Sinh năm: 1961- Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc
(*) Quyết định số 509/QĐ-TVĐ1-P4 ngày 01/12/2009 của HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 về việc: điều chỉnh giảm vốn - giao vốn điều lệ cho Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 1

3.2. Công ty TNHH một thành viên khảo sát xây dựng điện 2

- Trụ sở đăng ký: Số 8/2 đường Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, PleiKu, Gia Lai.
- Điện thoại: 059. 3873.669
- Email: picc2@pecc.com.vn
- Vốn điều lệ: 4.870.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 25/02/2009; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18/09/2012.
- Người đại diện theo pháp luật
Họ và tên: Nguyễn Văn Tân; Sinh năm: 1962 - Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

3.3. Công ty TNHH một thành viên Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng

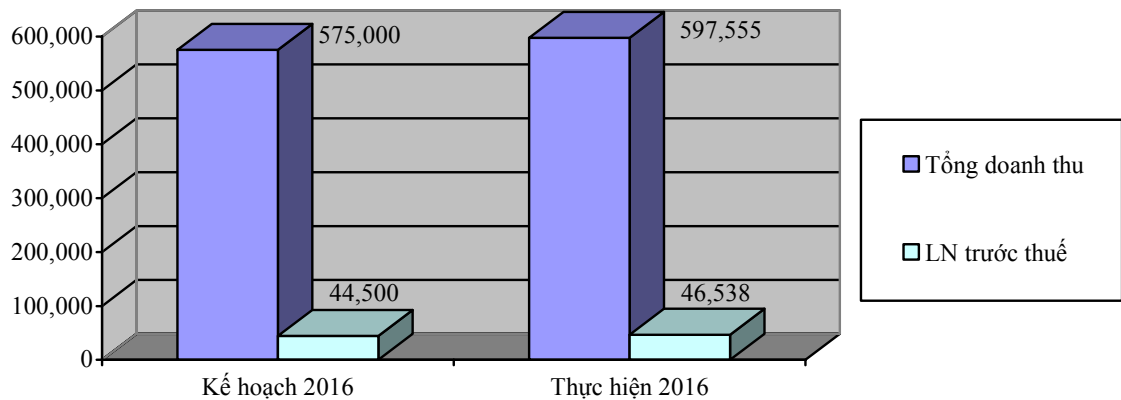
- Trụ sở đăng ký: Số 503 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0511.3611.320 – 0511.3620.074 Fax: 0511.3611.325
- Email: tvxddien3dn@vnn.vn
- Vốn điều lệ: 6.517.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401429815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 21/06/2011.
- Người đại diện theo pháp luật:
Họ và tên: Từ Văn Đông; Sinh năm: 1962 - Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

3.4. Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 4

- Trụ sở đăng ký: Số 599 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, HN
- Điện thoại: 04.22.148.243 Fax: 04.38.546.167
- Email: pic4@pecc1.com.vn
- Vốn điều lệ: 6.060.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104005649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/03/2009; Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 15/10/2009.
- Người đại diện theo pháp luật:
Họ và tên: Phạm Anh Tuấn; Sinh năm: 1961 - Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

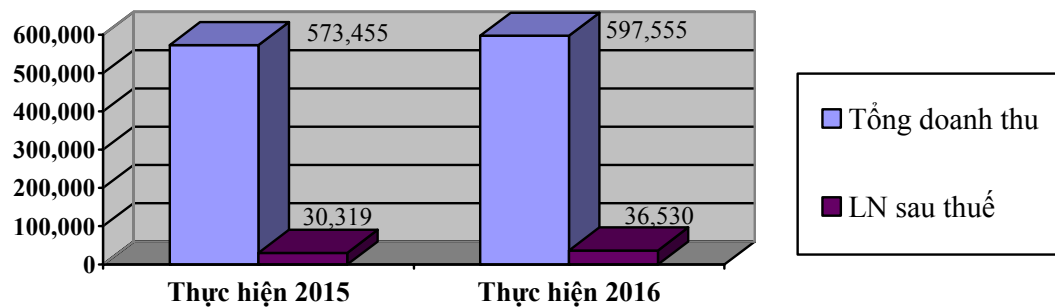
B. Tình hình hoạt động trong năm
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Bảng 1. Thực hiện so với kế hoạch
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Thực hiện/Kế hoạch	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	575.000	597.555	22.555	103,92%
2	Chi phí	530.500	551.017	20.517	103,87%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.500	46.538	2.038	104,58%
4	Mức cổ tức	11%			

Biểu đồ thực hiện so với kế hoạch


Bảng 2. Thực hiện năm 2016 so với thực hiện năm 2015
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	573.455	597.555	24.100	4,20%
2	Chi phí	531.212	551.017	19.805	3,73%
3	Lợi nhuận sau thuế	30.319	36.530	6.211	20,49%
4	Mức cổ tức	10,5%			

Biểu đồ so sánh thực hiện năm 2016 so với thực hiện năm 2015

Bảng 3. Tình hình sử dụng vốn
Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn vốn	Tại ngày 01/01/2016	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Tại ngày 31/12/2016
		Quý 4 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo	Quý 4 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo	
A	B	1	2	3	4	C
1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	320,127	12,227	20,133	0	13,129	327,131
3. Nguồn vốn vay	1.243,616	111,235	383,054	165,988	498,534	1.128,136
4. Nguồn vốn khác	367,975	121,259	304,930	47,975	158,006	514,899
Tổng cộng	1.931,718	244,721	708,117	213,962	669,669	1.970,166

Đánh giá:

So với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua ngày 26/4/2016: Công ty đạt 597,555 tỷ đồng doanh thu tăng 22,555 tỷ đồng tỷ lệ tăng là 3,92 %; Lợi nhuận trước thuế 46,538 tỷ đồng, tăng 4,58% với giá trị tăng 2,038 tỷ đồng.

Năm 2016, doanh thu thực hiện của công ty vượt 24,100 tỷ đồng so với năm 2015, tỷ lệ tăng là 4,2%, trong đó doanh thu bán điện tăng 14,829 tỷ đồng, mức tăng 9,33% với giá trị là 173,691 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế tăng 6,211 tỷ đồng tương ứng với mức tăng là 20,49%.

Tình hình sử dụng vốn của công ty năm 2016 không có sự biến động nhiều so với năm 2015, tuy nhiên cần lưu ý là vốn chủ sở hữu của công ty chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ chưa tới 16,6% so với tổng nguồn vốn, điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu từ vốn vay do đó ảnh hưởng đến khả năng cân đối tài chính của công ty.

Căn cứ kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua thì tỷ lệ trả cổ tức năm 2016 là 11% trong điều kiện tổng lợi nhuận trước thuế phải đạt 44,5 tỷ đồng, tuy nhiên tình hình thực tế cho thấy tổng lợi nhuận trước thuế năm 2016 vượt so với kế hoạch 2,038 tỷ đồng, mặt khác lợi nhuận sau thuế năm 2016 cũng cao hơn so với năm 2015 là 6,211 tỷ đồng, do đó dự kiến mức cổ tức thực hiện năm 2016 có thể bằng hoặc cao hơn kế hoạch.

Tóm lại: Lợi nhuận năm 2016 tăng so với năm 2015 chủ yếu là do công ty đã tiết giảm tối đa chi phí. Mặt khác tốc độ tăng tổng doanh thu đã bù đắp được tốc độ tăng tổng chi phí, cụ thể: doanh thu năm 2016 tăng 4,20%, chi phí chỉ tăng ở mức 3,73% dẫn đến lợi nhuận ròng năm 2016 của công ty đã tăng đến 20,49% với giá trị là 6,211 tỷ đồng so với năm 2015. Chi tiết như sau:

Bảng 4. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 so với năm 2015
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	573.455	597.555	24.100	4,20%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	569.551	595.651	26.101	4,58%
	<i>Trong đó: Doanh thu bán điện</i>	158.863	173.691	14.829	9,33%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	3.627	150	- 3.477	-95,86%
	- Thu nhập khác	277	1.753	1.476	
2	Tổng chi phí	531.212	551.017	19.805	3,73%
	- Giá vốn hàng bán	353.851	384.544	30.694	8,67%
	- Chi phí tài chính	111.594	113.273	1.678	1,50%

Stt	Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.090	46.195	- 3.895	-7,78%
	- Chi phí khác	15.678	7.005	- 8.673	-55,32%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	42.243	46.538	4.295	10,17%
4	Thuế TNDN	11.925	10.008	- 1.916	-16,07%
5	Lợi nhuận ròng	30.319	36.530	6.211	20,49%

Bảng 5. Phải thu - Phải trả

Đơn vị tính: đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền	Stt	Diễn giải	Số tiền
A	Nợ phải thu	529.870.997.084	B	Nợ phải trả	1.643.034.514.482
I	Phải thu ngắn hạn	468.166.425.656	I	Nợ ngắn hạn	969.938.925.386
1	Phải thu khách hàng	395.560.150.793	1	Vay và nợ thuê tài chính	553.891.280.029
	<i>Trong đó</i>		1.1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	58.494.434.713
1.1	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	44.536.813.811	1.2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	49.101.879.140
1.2	Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 2	16.739.604.457	1.3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	9.536.623.966
1.3	Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 3	30.070.841.545	1.4	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	62.000.000.000
1.4	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	22.644.828.918	1.5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	25.818.129.607
1.5	Công ty mẹ	281.568.062.062	1.6	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	14.222.471.102
2	Trả trước cho người bán	26.537.936.211	1.7	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thanh Xuân	2.369.819.609
3	Phải thu khác	46.068.338.652	1.8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	7.942.000.000
II	Phải thu dài hạn	61.704.571.428	1.9	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thanh Xuân	991.519.365
1	Phải thu khách hàng	34.910.381.559	1.10	Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên trong Công ty	323.414.402.527

Stt	Diễn giải	Số tiền
	<i>Trong đó</i>	
1.1	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	6.124.942.164
1.2	Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 2	0
1.3	Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 3	0
1.4	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	0
1.5	Công ty mẹ	28.785.439.395
2	Trả trước cho người bán	29.691.968.652
3	Dự phòng phải thu khó đòi	-2.897.778.783

Stt	Diễn giải	Số tiền
2	Phải trả người bán	55.315.270.163
3	Người mua trả tiền trước	95.308.654.947
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	56.461.783.219
5	Phải trả người lao động	95.613.513.820
6	Chi phí phải trả	1.475.864.880
7	Phải trả nội bộ	47.563.327.061
8	Các khoản phải trả khác	56.121.846.803
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.187.384.464
II	Nợ dài hạn	673.095.589.096
1	Phải trả người bán dài hạn	78.124.032.550
2	Người mua trả tiền trước	20.727.112.790
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	574.244.443.756
	<i>Trong đó:</i>	
3.1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	573.139.443.756
3.2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.105.000.000

Năm 2016 các khoản phải thu là 530 tỷ đồng, trong đó các khoản phải thu ngắn hạn là 468 tỷ đồng, các khoản phải thu dài hạn là 62 tỷ đồng; phải thu khách hàng ngắn hạn là 468 tỷ đồng, trong đó: Công ty mẹ là 281,568 tỷ đồng; Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 1 là 44,537 tỷ đồng; Công ty TNHH một thành viên khảo sát xây dựng điện 2 là 16,740 tỷ đồng; Công ty TNHH một thành viên tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng là 30,071 tỷ đồng và Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế xây dựng điện 4 là 22,645 tỷ đồng. So với năm 2015, tình hình thu nợ của khách hàng năm 2016 đã tích cực, tuy nhiên nợ đọng từ các chủ đầu tư còn nhiều, năm 2016 công ty đã chủ động thu hồi công nợ khách hàng do EVN nắm quyền chi phối. Mặt khác các khoản nợ từ những năm trước do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, Nhà nước cắt giảm đầu tư công, do đó các chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc thu xếp vốn để thanh toán cho công ty. Do nợ phải thu của khách hàng còn nhiều nên công ty gặp khó khăn về tài chính.

Năm 2016, Công ty đã cơ cấu lại các khoản vay, giảm các khoản vay có lãi suất cao, tăng các khoản vay có lãi suất thấp hơn, do đó chi phí tài chính năm 2016 chỉ tương đương năm 2015. Dự nợ vay tài chính ngắn hạn, dài hạn của công ty đã giảm 115,48 tỷ đồng so với năm 2015 (năm 2016 là 1.128,136 tỷ đồng, năm 2015 là 1.243,616 tỷ đồng)

Năm 2016 nợ phải trả của Công ty là 1.643 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 970 tỷ, nợ dài hạn 673 tỷ đồng.

Công ty là chủ đầu tư dự án thủy điện Sông Bung 5; hình thức đầu tư: Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh, hạn mức tín dụng ngân hàng cam kết với Công ty để đầu tư nhà máy thủy điện Sông Bung 5 là 900 tỷ đồng, thời hạn vay là 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng thời kỳ. Số dư gốc vay đến 31/12/2016 là 573,139 tỷ đồng giảm 76 tỷ đồng so với năm 2015, năm 2015 số dư gốc vay là 649,140 tỷ đồng.

Năm 2016 là năm rất nhiều khó khăn, các chủ đầu tư khó khăn về vốn, nợ công ty nhiều. Để đáp ứng nhu cầu về vốn cho sản xuất, kinh doanh công ty đã phải vay, đến ngày 31/12/2016 vay và nợ thuê tài chính (ngắn hạn+dài hạn) của công ty là 1.128,135 tỷ đồng, trong đó vay ngân hàng là 804,651 tỷ đồng; vay cá nhân là 214,612 tỷ đồng, vay lương của cán bộ công nhân viên là 108,872 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân năm 2016 đạt khoảng 10,4 triệu đồng/người/tháng

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016

Lợi nhuận trước thuế : 46,538 tỷ đồng/44,500 tỷ đồng kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế : 36,530 tỷ đồng

Giảm trừ (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện): 0,266 tỷ đồng

Lợi nhuận còn lại phân phối là 36,264 tỷ đồng.

Dự kiến được phân phối như sau:

(1) Trích lập các quỹ khoảng 6,904 tỷ đồng; và

(2) Trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông khoảng 29,360 tỷ đồng (01 cổ phiếu được nhận 1.100 đồng).



CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5
(Chính thức hòa lưới điện quốc gia tháng 7/2012)

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Hội đồng quản trị

1.1. Ông Lê Minh Hà - Chủ tịch HĐQT

- Ông Lê Minh Hà sinh năm 1958 tại Nghệ An; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.

- Quá trình công tác:

1977-1985: Đi bộ đội đến năm 1981 ra quân về học Đại học Tài chính Kế toán

1986-2007: Chuyên viên, trưởng phòng, Kế toán trưởng

2008-05/2013: Thành viên, phó chủ tịch HĐQT, TP. TCKT, KTT

05/2013-nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 9.592.516 cổ phần tương đương với: 35,94 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 3.790.825 cổ phần tương đương với: 14,2 % vốn điều lệ

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán đại diện cho EVN: 5.801.691 cổ phần tương đương với: 21,74 % vốn điều lệ

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

1.2. Ông Nguyễn Tài Sơn - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Tài Sơn sinh năm 1958 tại Thanh Hóa; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy công thủy điện.

- Quá trình công tác:

1982-1985: Kỹ sư Công ty khảo sát thiết kế điện 1

1985-1987: Trợ lý kỹ thuật Viện kỹ thuật cơ giới quân sự

1987-2007: Trưởng đoàn thiết kế, Phó Giám đốc

01/2008-03/2012: Phó Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc điều hành

03/2012-nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 4.406.309 cổ phần tương đương với: 16,51 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 53.754 cp tương đương với: 0,2 % vốn điều lệ

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán đại diện cho EVN: 4.351.268 cổ phần tương đương với: 16,30 % vốn điều lệ

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Vợ Nguyễn Trà My sở hữu 1.287 cổ phần tương đương với: 0,01 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

1.3. Ông Phạm Việt Hùng - Thành viên HĐQT

- Ông Phạm Việt Hùng sinh năm 1963 tại Sơn La; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy điện.

- Quá trình công tác:

10/1986-07/2006: Công tác tại Công ty Tư vấn xây dựng điện 1

07/2006-02/2009: Chuyên viên Ban Thẩm định, Quản lý đầu tư - EVN

02/2009-nay: Phó trưởng Ban Quản lý đầu tư - EVN

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 4.354.765 cổ phần tương đương với: 16,32 % vốn điều lệ

Trong đó:

- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 3.497 cp tương đương với: 0,01 % vốn điều lệ
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán đại diện cho EVN: 4.351.268 cổ phần tương đương với: 16,30 % vốn điều lệ

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

1.4. Ông Phạm Nguyên Hùng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Ông Phạm Nguyên Hùng sinh năm 1972 tại Hải Dương; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật.

- Quá trình công tác:

1995-2005: Đoàn Thiết kế thủy điện 1

2005-04/2013: Phó trưởng đoàn, Trưởng đoàn thiết kế thủy điện 1

04/2013-01/2014: Thành viên HĐQT, Trưởng đoàn Thiết kế thủy điện 1

01/2014-nay: TV. HĐQT, Phó TGD kiêm Trưởng đoàn thiết kế TĐ1

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó TGD kiêm Trưởng đoàn thiết kế TĐ1

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 36.020 cổ phần tương đương với: 0,13 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân 36.020 cp tương đương với: 0,13 % vốn điều lệ

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không

+ Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

1.5. Ông Lê Minh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Ông Lê Minh Tuấn sinh năm 1973 tại Hà Nội; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư nhiệt.

- Quá trình công tác:

2007-2008: Phòng Thiết kế Nhiệt điện

2008-04/2013: TP. Tư vấn thiết kế Nhiệt điện và Điện nguyên tử

04/2013-01/2014: TV. HĐQT, TP Tư vấn thiết kế NĐ và Điện nguyên tử

01/2014-nay: TV. HĐQT, Phó TGD kiêm TP Tư vấn thiết kế Nhiệt điện và Điện nguyên tử

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó TGD kiêm TP. Tư vấn thiết kế Nhiệt điện và Điện nguyên tử Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 194.412 cổ phần tương đương với: 0,73 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 194.412 cổ phần tương đương với: 0,73 % vốn điều lệ

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không

+ Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

2. Danh sách Ban điều hành

2.2.1. Ông Nguyễn Tài Sơn - Tổng Giám đốc (xem danh sách HĐQT)

2.2.2. Ông Phạm Nguyên Hùng - Phó Tổng Giám đốc (xem danh sách HĐQT)

2.2.3. Ông Lê Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc (xem danh sách HĐQT)

2.2.4. Ông Đặng Hoàng Cầm - Phó Tổng Giám đốc

- Ông Đặng Hoàng Cầm sinh năm 1962 tại Nghệ An; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ, Kỹ sư chính địa chất công trình-địa chất thủy văn.

- Quá trình công tác:

06/1985-02/1994: Xí nghiệp khảo sát xây dựng Điện 3

02/1994-07/2002: Công ty Tư vấn xây dựng điện 1

- 07/2002-08/2015: Phó, Trưởng trung tâm thí nghiệm
08/2015-nay: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 5.215 cổ phần tương đương với: 0.02 % vốn điều lệ
- Trong đó:*

- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 5.215 cp tương đương với: 0.02 % VDL
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
- + Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

2.2.5. Ông Nguyễn Hồng Tuấn - Quyền Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn sinh năm 1972 tại Hải Dương; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

- Quá trình công tác:

12/1996-1998: Công ty Tư vấn xây dựng điện 1

1999-06/2014: Chuyên viên Phòng TCKT

06/2014-12/2014: Phó trưởng phòng TCKT

01/2015-nay: Phó trưởng phòng TCKT phụ trách phòng TCKT kiêm Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1

- Chức vụ hiện tại: Phó trưởng phòng TCKT phụ trách phòng TCKT kiêm Q.KTT trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1
- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

3. Ban kiểm soát

3.1. Bà Cao Thúy Nga - Trưởng BKS (từ ngày 26/04/2016)

- Bà Cao Thúy Nga sinh năm 1976 tại Hà Nội; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

1994-1998: Học đại học tại trường Đại học Thương mại

1999 – 04/2016: Công ty Tư vấn xây dựng điện 1

04/2016-nay: Trưởng BKS làm việc chuyên trách tại công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1

- Chức vụ hiện tại: Trưởng BKS làm việc chuyên trách tại công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 3.906 cổ phần tương đương với: 0,015 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

3.2. Bà Trịnh Thúy Quỳnh (không còn là trưởng BKS từ ngày 26/04/2016)

3.3. Bà Lê Thị Ngọc Bích (không còn là thành viên BKS từ ngày 26/4/2016)

3.4. Ông Mai Hữu Thung - Thành viên BKS

- Ông Mai Hữu Thung sinh năm 1959 tại Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa 10/10; trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

- Quá trình công tác:

1978-1986: Đi bộ đội

1986-1990: Học Đại học Tài chính Kế toán TP Hồ Chí Minh

1991-2008: Công tác tại Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam

2008-nay: Công tác tại Cty CP kho cảng xăng dầu Hàng không Miền Nam

- Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1. Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho cảng xăng dầu Hàng không Miền Nam

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 598.211 cổ phần tương đương với: 2,24 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán cá nhân: 205.569 cp tương đương với: 0,77 % vốn điều lệ

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Vợ Nguyễn Thị Lượ sở hữu 392.642 cổ phần tương đương với: 1,47 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

3.5. Bà Nguyễn Hoàng Điệp - Thành viên BKS (từ ngày 26/04/2016)

- Bà Nguyễn Hoàng Điệp sinh năm 1980 tại Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa 12/12; trình độ chuyên môn: Đại học

- Quá trình công tác:

2002-2006: Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)

2006-2011: Công ty TNHH điện tử Dawoo Hanel

2011-2013: Ban QLDA “Quản lý PCB tại Việt Nam” của EVN

2013-nay: Chuyên viên Ban Quản lý vốn EVN.

- Chức vụ hiện tại: Chuyên viên Ban Quản lý vốn EVN, kiểm soát viên không chuyên trách tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện I.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0 cổ phần tương đương với: 0,00 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ và lợi ích có liên quan với công ty: không

Những thay đổi trong ban kiểm soát

- Bà Trịnh Thúy Quỳnh thôi giữ chức Trưởng BKS kể từ ngày 26/04/2016
- Bà Lê Thị Ngọc Bích thôi giữ chức thành viên BKS kể từ ngày 26/04/2016
- Bà Cao Thúy Nga giữ chức Trưởng BKS kể từ ngày 26/04/2016
- Bà Nguyễn Hoàng Điệp giữ chức thành viên BKS kể từ ngày 26/04/2016

4. Số lượng lao động:

4.1. Tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2016

Lao động của toàn Công ty hiện tại là 1139 người, giảm 98 người so với năm 2015, trong đó số lao động có trình độ: Tiến sỹ 3 người, thạc sỹ 102 người, kỹ sư và cử nhân 650 người, số còn lại là cao đẳng, kỹ thuật viên, công nhân viên kỹ thuật. Nhân sự tư vấn thủy điện còn nhiều để đáp ứng công việc hiện tại, trong thời gian tới có thể điều chuyển các nhân sự chuyên ngành xây dựng, cơ điện sang tư vấn nhiệt điện, lưới điện.

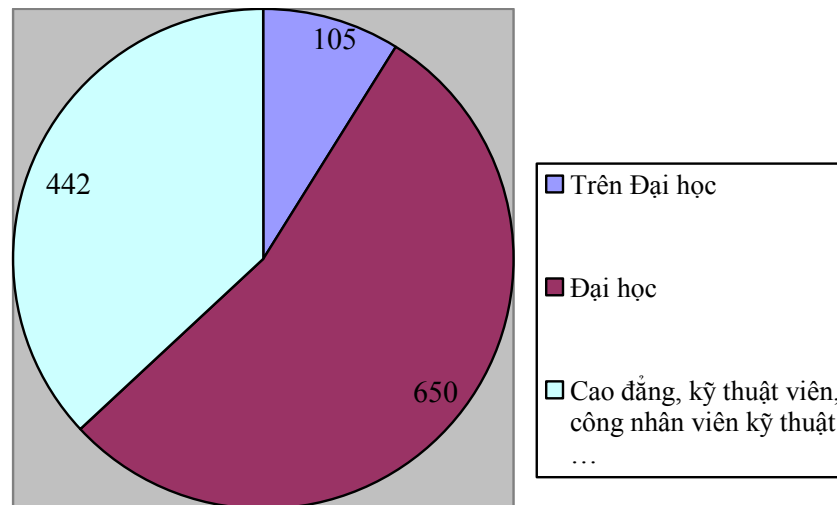
Bảng 6. Cơ cấu lao động

Stt	Chức danh	Tổng số	Trình độ đào tạo					Trình độ lý luận chính trị	
			Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp, công nhân kỹ thuật...	Cao cấp	Trung cấp
1	Lao động quản lý	140	2	36	100		2	12	14
2	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	538		64	440	7	27	1	

Stt	Chức danh	Tổng số	Trình độ đào tạo					Trình độ lý luận chính trị	
			Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp, công nhân kỹ thuật...	Cao cấp	Trung cấp
3	Nhân viên thừa hành, phục vụ	22			1	1	20		
4	Công nhân	255			8	11	236		
5	Lao động thời vụ, hợp đồng ngắn hạn	183	1	2	100	6	74		
6	Đảng, đoàn thể chuyên trách	1			1				
	Tổng số	1139	3	102	650	25	359	13	14

Thu nhập bình quân năm 2016 của người lao động trong công ty đạt khoảng 10,4 triệu đồng/người/tháng tăng khoảng 0,932 triệu đồng/người/tháng so với năm 2015.

Biểu đồ cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo của công ty năm 2016



4.2. Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn xác định người lao động là nguồn lực quan trọng nhất với sự phát triển bền vững của Công ty. Năm 2016 Công ty tiếp tục đầu tư nguồn kinh phí chi đào tạo hàng năm về sử dụng các phần mềm tính toán, an toàn lao động và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

Chế độ tiền lương, tiền thưởng được xây dựng trên các tiêu chí gắn vào hiệu quả thực hiện công việc của người lao động và vị trí công việc. Phần thu nhập tính theo thâm niên công tác chiếm khoảng 30% tổng thu nhập của người lao động; thu nhập tính

theo điểm năng suất lao động chiếm 70%, nhờ đó đã kịp thời động viên những người có trình độ, năng lực và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Hàng năm Công ty duy trì tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, mời tổ chức y tế về khám tại Công ty để tạo điều kiện cho người lao động tham gia, đã phát hiện sớm một số ca bệnh hiểm nghèo để điều trị kịp thời.

Công đoàn Công ty tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch.

Công ty luôn chú trọng xây dựng và phát triển các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Hàng năm đều tổ chức hội thao tạo điều kiện để người lao động giao lưu, gắn bó với nhau trên tinh thần hợp tác, chia sẻ. Tham gia đầy đủ hội thao khối các cơ quan tư vấn của EVN.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1. Các khoản đầu tư lớn:

1.1. Đầu tư Thủy điện Sông Bung 5

1.1.1. Dự án thủy điện Sông Bung 5 do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 làm chủ đầu tư với phương thức Đầu tư xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh, với công suất 57MW; điện lượng trung bình năm 230,34 triệu kWh.

- Tổng mức đầu tư: 1.372 tỷ đồng
- Giá trị nghiệm thu A-B đến ngày 31/12/2016: 1.148,6 tỷ đồng
- Đã giải ngân đến ngày 31/12/2016: 1.081,28 tỷ đồng

Trong đó:

+ Tiền vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam là 700,15 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 60%

+ Vốn tự có của Công ty là 381,13 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 40% (bao gồm cả trả lãi vay trong giai đoạn đầu tư)

1.1.2. Thủy điện Sông Bung 5: Năm 2013 đã phát được 174 triệu kWh, doanh thu: 172,257 tỷ đồng; năm 2014 đã phát được 125 triệu kWh, doanh thu: 127,979 tỷ đồng; năm 2015 đã phát được 151,7 triệu kWh, doanh thu: 158,863 tỷ đồng; năm 2016 doanh thu bán điện: 173,692 tỷ đồng, tăng 9,3% so với năm 2015.

1.1.3. Kế hoạch vốn năm 2017

Dự kiến nhu cầu vốn năm 2017 của nhà máy thủy điện Sông Bung 5 là 31,87 tỷ đồng (không bao gồm chi phí trả gốc và lãi vay), trong đó chi phí bảo dưỡng, quản lý vận hành khoản 10 tỷ đồng.

Cơ cấu vốn:

- Vốn vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt nam là 22,31 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 70%
- Vốn tự có của Công ty là 9,56 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 30%

Vốn tự có do Công ty thu xếp từ nguồn vốn khấu hao, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn khác của Công ty.

1.2. Các dự án khác

Cho đến thời điểm lập báo cáo này Công ty chưa có chủ trương tham gia góp vốn hoặc làm chủ đầu tư các dự án khác ngoài công trình Thủy điện Sông Bung 5

1.3. Đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác

Công ty đến nay chưa góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

2. Các công ty con:

2.1. Tình hình đầu tư và hiệu quả của đầu tư vốn vào các công ty con:

Bảng 7. Vốn điều lệ và lợi nhuận của các công ty con năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Đầu tư vào công ty con	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ/ vốn điều lệ (%)	Lợi nhuận sau thuế 2016	
				Giá trị	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)
1	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	17,102	100	2,286	13,37%
2	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát xây dựng điện 2	4,870	100	0,859	17,64%
3	Công ty TNHH một thành viên Tư vấn dựng điện 3 Đà Nẵng	6,517	100	0,776	11,90%
4	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	6,060	100	0,504	8,32%
	Cộng	34,549		4,425	12,81%

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của các công ty con (do công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ):

Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý hoá phục vụ cho công tác nghiên cứu thiết kế đánh giá chất lượng công trình; khoan phục thí nghiệm phục vụ cho công tác xử lý gia cố nền, khoan phục chống thấm; thi công khoan phục bê tông màng chống thấm, gia cố xử lý nền; thi công xây lắp đường dây và trạm; tư vấn thiết kế lưới trạm điện, tư vấn thiết kế thủy điện...

2.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con:

Bảng 8. Kết quả hoạt động SXKD Công ty TNHH MTV KSTK XD điện 1

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	34.100	34.801	702	102,06%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.090	34.543		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	6	2		
	- Thu nhập khác	3	256		
2	Tổng chi phí	31.591	31.934	343	101,09%
	- Giá vốn hàng bán	25.395	26.096		
	- Chi phí tài chính	1.225	1.367		

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.969	4.105		
	- Chi phí khác	2	365		
3	Lợi nhuận thuần	2.508	2.976		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.509	2.867	359	114,29%
5	Thuế TNDN	552	581		
6	Lợi nhuận ròng	1.956	2.286	330	116,84%
7	Tài sản ngắn hạn	47.331	57.773		
8	Tài sản dài hạn	16.431	9.532		
9	Tổng tài sản	63.762	67.305	3.543	105,56%
10	Nợ ngắn hạn	43.849	47.367		
11	Nợ dài hạn	1.408	1.408		
12	Tổng nợ phải trả	45.257	48.775	3.518	107,77%
13	Vốn điều lệ	17.102	17.102		
14	Vốn chủ sở hữu	18.504	18.530		
15	Hàng tồn kho	15.130	8.196	-6.935	54,17%

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,079	1,220	
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,734	1,047	
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,710	0,725	
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,446	2,632	
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,535	0,513	
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,739%	6,618%	
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,573%	12,337%	
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	11,440%	13,367%	

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,068%	3,396%	
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	7,356%	8,617%	

Tổng doanh thu năm 2016 đạt 34,801 tỷ đồng bằng 102,06%, tăng 0,702 tỷ đồng; tổng chi phí tăng 0,343 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế tăng 0,359 tỷ đồng tăng 14,29% so với năm 2015.

Tổng tài sản tăng 3,543 tỷ đồng tăng 5,56%; tổng nợ phải trả tăng 3,518 tỷ đồng mức tăng 7,78% so với năm 2015.

Hàng tồn kho : Năm 2016, tổng giá trị hàng tồn kho là 8,196 tỷ đồng, giảm 6,935 tỷ đồng so với năm 2015.

Về chỉ tiêu tài chính: Năm 2016, khả năng thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh của công ty trong giới hạn an toàn và cao hơn so với năm 2015.

Tại thời điểm 31/12/2016, số dư vay và nợ ngắn hạn của công ty là trên 20 tỷ đồng. Số nợ phải thu ngắn hạn là 44,537 tỷ đồng gấp 3,44 lần vốn điều lệ.

Bảng 9. Kết quả hoạt động SXKD Công ty TNHH MTV KSXD điện 2

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	22.679	27.139	4.459	119,66%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.668	27.125		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	12	14		
	- Thu nhập khác				
2	Tổng chi phí	21.368	26.049	4.682	121,91%
	- Giá vốn hàng bán	18.860	22.292		
	- Chi phí tài chính	850	1.082		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.699	2.614		
	- Chi phí khác	-41	62		
3	Lợi nhuận thuần	1.271	1.151		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.312	1.089	-222	83,05%
5	Thuế TNDN	324	230		
6	Lợi nhuận ròng	987	859	-128	87,01%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
7	Tài sản ngắn hạn	35.446	32.748		
8	Tài sản dài hạn	3.689	2.727		
9	Tổng tài sản	39.134	35.475	-3.659	90,65%
10	Nợ ngắn hạn	33.520	29.825		
11	Nợ dài hạn				
12	Tổng nợ phải trả	33.520	29.825	-3.695	88,98%
13	Vốn điều lệ	4.870	4.870		
14	Vốn chủ sở hữu	5.615	5.651		
15	Hàng tồn kho	12.471	12.311	-160,5	98,71%

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,057	1,098
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,685	0,685
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,857	0,841
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,970	5,278
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,579	0,765
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,356%	3,168%
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,587%	15,206%
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	20,277%	17,644%
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,523%	2,422%
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	5,606%	4,244%

Năm 2016 tổng doanh thu tăng 4,459 tỷ đồng, tăng 19,66% so với năm 2015; tổng chi phí tăng 4,682 tỷ đồng; lợi nhuận ròng giảm 0,128 tỷ đồng bằng 87,01% so với năm 2015; tổng giá trị tài sản giảm 3,659 tỷ đồng.

Năm 2016 nợ phải trả ngắn hạn giảm 11,02% so với năm 2015 với giá trị là 3,695 tỷ đồng.

So với đầu năm 2016, cuối năm 2016 giá trị hàng tồn kho của công ty giảm 0,16 tỷ đồng.

Năm 2016, khả năng thanh toán trong ngắn hạn của công ty cao hơn so với năm 2015 (năm 2015 là 1,057 lần, năm 2016 là 1,098 lần), điều này thể hiện khả năng thanh toán trong ngắn hạn của công ty trong tình trạng tốt.

Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2016 công ty còn phải thu trong ngắn hạn của khách hàng là 16,74 tỷ đồng gấp 3,44 lần vốn điều lệ.

Bảng 10. Kết quả hoạt động SXKD Công ty TNHH MTV TVXD điện 3 Đà Nẵng
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	23.234	19.736	-3.498	84,94%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.781	19.475		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	10	13		
	- Thu nhập khác	444	248		
2	Tổng chi phí	21.734	18.764	-2.970	86,33%
	- Giá vốn hàng bán	17.261	14.892		
	- Chi phí tài chính	368	337		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.085	3.452		
	- Chi phí khác	20	83		
3	Lợi nhuận thuần	1.077	808		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.500	973	-527	64,85%
5	Thuế TNDN	330	197		
6	Lợi nhuận ròng	1.170	776	-394	66,29%
7	Tài sản ngắn hạn	42.351	42.890		
8	Tài sản dài hạn	2.861	2.427		
9	Tổng tài sản	45.212	45.317		
10	Nợ ngắn hạn	37.038	37.102		
11	Nợ dài hạn				
12	Tổng nợ phải trả	37.038	37.102		
13	Vốn điều lệ	6.517	6.517		
14	Vốn chủ sở hữu	8.175	8.216		
15	Hàng tồn kho	5.175	3.112	-2.063	60,13%

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn tính	Năm 2015	Năm 2016
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,143	1,156
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,004	1,072
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,819	0,819
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,531	4,516
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,504	0,430
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,137%	3,984%
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,316%	9,443%
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	17,957%	11,905%
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,588%	1,712%
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	4,728%	4,148%

Năm 2016, tình hình thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đều thấp hơn so với năm trước, mức giảm lần lượt là 15,06% và 30,85%, khả năng thanh toán trong ngắn hạn cao hơn so với năm 2015.

Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2016 công ty còn phải trả vay và nợ ngắn hạn với số tiền 19,140 tỷ đồng và còn phải thu trong ngắn hạn của khách hàng số tiền 30,071 tỷ đồng gấp 2,94 lần và 4,61 lần vốn điều lệ.

Bảng 11. Kết quả hoạt động SXKD Công ty TNHH MTV KSXĐ điện 4

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	25.001	25.418	416	101,66%
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.822	25.388		
	- Doanh thu hoạt động tài chính	13	11		
	- Thu nhập khác	166	19		
2	Tổng chi phí	23.997	24.770	773	103,22%
	- Giá vốn hàng bán	20.582	21.152		
	- Chi phí tài chính	586	743		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.578	2.652		

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/năm 2015	
				Giá trị	Tỷ lệ %
	- Chi phí khác	251	222		
3	Lợi nhuận thuần	1.090	851		
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.005	648	-357	64,44%
5	Thuế TNDN	232	144		
6	Lợi nhuận ròng	773	504	-269	65,21%
7	Tài sản ngắn hạn	52.974	56.452		
8	Tài sản dài hạn	3.478	2.879		
9	Tổng tài sản	56.451	59.241	2.790	104,94%
10	Nợ ngắn hạn	49.040	51.807		
11	Nợ dài hạn				
12	Tổng nợ phải trả	49.040	51.807	2.767	105,64%
13	Vốn điều lệ	6.060	6.060		
14	Vốn chủ sở hữu	7.412	7.434		
15	Hàng tồn kho	17.219	20.288	3.069	117,82%

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,080	1,090
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,729	0,698
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,869	0,875
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	6,617	6,969
5	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,440	0,429
6	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,113%	1,985%
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,427%	6,779%
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	12,753%	8,316%
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,369%	0,851%
10	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	4,389%	3,351%

Năm 2016, tình hình thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí tương đương so với năm trước, tuy nhiên lợi nhuận ròng năm 2016 của công ty chỉ đạt 0,5 tỷ đồng, giảm mạnh 0,27 tỷ đồng tương ứng mức giảm là 35% so với năm 2015.

Tính đến ngày 31/12/2016 công ty còn phải trả vay và nợ ngắn hạn với số tiền 16,1 tỷ đồng và còn phải thu trong ngắn hạn của khách hàng gần 22,645 tỷ đồng gấp 2,66 lần và 3,74 lần vốn điều lệ.

Bảng 12. Kết quả kinh doanh và tài sản của 4 công ty TNHH một thành viên do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1		Công ty TNHH một thành viên Khảo sát xây dựng điện 2		Công ty TNHH một thành viên Tư vấn dự án điện 3 Đà Nẵng		Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4		Cộng		Tỷ lệ %
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	
1	Tổng doanh thu	34.100	34.801	22.679	27.139	23.234	19.736	25.001	25.418	105.015	107.094	102%
2	Tổng chi phí	31.591	31.934	21.368	26.049	21.734	18.764	23.997	24.770	98.689	101.517	103%
3	Lợi nhuận ròng	1.956	2.286	987	859	1.170	776	773	504	4.887	4.425	91%
4	Tài sản ngắn hạn	47.331	57.773	35.446	32.748	42.351	42.890	52.974	56.452	178.101	189.863	
5	Tài sản dài hạn	16.431	9.532	3.689	2.727	2.861	2.427	3.478	2.789	26.459	17.476	
6	Tổng tài sản	63.762	67.305	39.134	35.475	45.212	45.317	56.451	59.241	204.560	207.339	101%
7	Nợ ngắn hạn	43.849	47.367	33.520	29.825	37.038	37.102	49.040	51.807	163.446	166.101	
8	Nợ dài hạn	1.408	1.408							1.408	1.408	
9	Tổng nợ	45.257	48.775	33.520	29.825	37.038	37.102	49.040	51.807	164.854	167.509	102%
10	Vốn chủ sở hữu	18.504	18.530	5.615	5.651	8.175	8.216	7.412	7.434	39.705	39.830	

Tổng quát : Năm 2016 lợi nhuận ròng của 04 công ty TNHH một thành viên do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ giảm mạnh chỉ đạt 91% so với năm 2015 vì mức độ tăng doanh thu không đủ bù đắp mức độ tăng chi phí.



THỦY ĐIỆN SƠN LA (Khánh thành ngày 23/12/2012)



Chủ tịch HĐQT Lê Minh Hà nhận cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2015



PECC1 được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trao Huân chương lao động hạng 2

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính

1.1. Các chỉ tiêu

Bảng 13. Tình hình sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	1.931.717.636.110	1.970.165.723.739	102%
	Tài sản ngắn hạn	909.115.116.352	1.022.649.492.694	112%
	Tài sản dài hạn	1.022.602.519.758	947.516.231.045	93%
2	Tổng nguồn vốn	1.931.717.636.110	1.970.165.723.739	102%
	Nợ ngắn hạn	927.758.566.398	969.938.925.386	105%
	Nợ dài hạn	683.831.740.456	673.095.589.096	98%
	Vốn chủ sở hữu	320.127.329.256	327.131.209.257	102%
3	Tổng doanh thu	573.455.359.906	597.554.894.645	104%
4	Tổng chi phí	531.212.128.927	551.016.784.955	104%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	42.243.230.979	46.538.109.690	110%
6	Lợi nhuận ròng	30.318.636.355	36.529.821.250	120%

1.2. Các chỉ tiêu khác: Không

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	Diễn giải	Đơn tính	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	Lần	0,980	1,054	
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,472	0,520	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,834	0,834	
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,034	5,023	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
3.1	Vòng quay hàng tồn kho	(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	0,816	0,777	
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản		Lần	0,295	0,302	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		%	5,323	6,133	
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)		%	9,471	11,167	
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)		%	1,570	1,854	
4.4	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần		%	10,121	8,695	

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 26.691.319 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 26.691.319 cổ phần

2. Cơ cấu sở hữu
Bảng 15. Tỷ lệ cổ đông sở hữu

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	14.504.227	54,34%	1	1	0
	- Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	14.504.227	54,34%	1	1	0
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	18.295.052	68,54%	2	1	1
	- Trong nước	18.295.052	68,54%	2	1	1
	+ EVN	14.504.227	54,34%	1	1	0
	+ Ông Lê Minh Hà	3.790.825	14,2%	1	0	1
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
4	Công đoàn công ty	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0,00%	0	0	0
7	Cổ đông khác	8.396.267	31,46%	1.673	24	1.649
	- Trong nước	8.390.651	31,44%	1.670	23	1.647
	- Nước ngoài	5.616	0,02%	3	1	2

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
	TỔNG CỘNG	26.691.319	100,00%	1.675	25	1.650
Trong đó:						
	- Trong nước	26.685.703	99,98%	1.672	24	1.648
	- Nước ngoài	5.616	0,02%	3	1	2

Bảng 16. Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên và cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)					
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0106000804	Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	14.504.227	54,34%
2	Lê Minh Hà	040058000053	Số nhà 73, phố Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	3.790.825	14,2%
	Cộng			18.295.052	68,54%
Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu <5%)					
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	23/GCNTVLK	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	32	0,00%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	01/GCNTVLK	Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	6	0,00%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	04/GCNTVLK	Số 9 Hoàng Văn Thụ, KĐT Chánh Nghĩa, Thị Xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	5	0,00%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	61/GCNTVLK	Tầng 2, Toà nhà 71 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	1	0,00%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	148/GCNTVLK	Tầng M-3-7, số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	10	0,00%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu	03/GCNTVLK	Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà	24	0,00%

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
	tư và Phát triển VN		Nội		
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	51/GCNTVLK	Lầu 8&9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Q1, Hồ Chí Minh	27	0,00%
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	155/GCNTVLK	Tầng 4, CR3-04B, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q7, Hồ Chí Minh	3	0,00%
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	37/GCNTVLK	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà Việt Dragon, số 141 Nguyễn Du, Q1, Hồ Chí Minh	1	0,00%
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	02/GCNTVLK	72 Nguyễn Huệ, Q1, Hồ Chí Minh	53	0,00%
11	Công ty cổ phần Chứng khoán tp. Hồ Chí Minh	11/GCNTVLK	76 Lê Lai, Q1, Hồ Chí Minh	2	0,00%
12	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẤN HOÁ VIỆT	0309553539	27-29 Hai Bà Trưng, P Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh	7.800	0,03%
13	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	0309587030	56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, Hồ Chí Minh	425.040	1,59%
14	Công ty cổ phần Tài Việt	4103004257	47/25A Đường số 61, P14, Q.Gò Vấp, Hồ Chí Minh	10	0,00%
15	Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên Bưu Điện	0100796508	68 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	92.046	0,34%
16	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	06/GCNTVLK-2	41 Mạc Đĩnh Chi, P.Đa Kao, Q1, Hồ Chí Minh	5	0,00%
17	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	09/GCNTVLK	Tầng 17, Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	37.513	0,14%
18	Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	13/GCNTVLK	Tầng 2 và tầng 3 Toà nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Hồ Chí Minh	6	0,00%

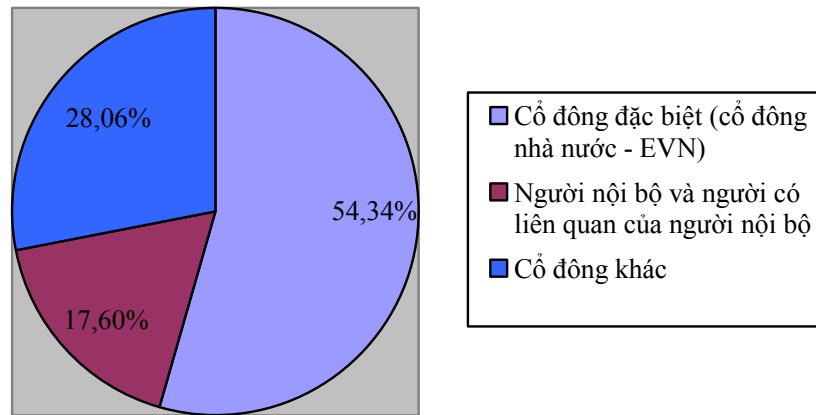
Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
19	CTCP Chứng khoán Bản Việt	69/GCNTVLK	Tháp tài chính BITEXCO, tầng 15, 02 Hải Triều, P.Bến Nghé, Q.1, Hồ Chí Minh	7	0,00%
20	CTCP Chứng khoán Châu á - Thái Bình Dương	34/GCNTVLK	tầng 2+3, Tòa nhà Machinco Building, số 444 đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội	5	0,00%
21	Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0300989419	56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, Hồ Chí Minh	2.090	0,01%
22	CTY TNHH Tư Vấn Tài Chính thuế Đồng Sự.	3700879328	1/4C Tân Hiệp, Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương	6	0,00%
23	Chi nhánh Cty TNHH Quảng Cáo Mắt Vàng	0101191657-001	56 phạm Ngọc Thạch, P6, Q.3, Hồ Chí Minh	3.400	0,01%
24	SBI SECURITIES CO.,LTD.	CA4878	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	5.300	0,02%
	Cộng			573.392	2,15%
	Tổng cộng			18.868.444	70,69%

Bảng 17. Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyên nhượng	Số lượng CP chuyên nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Cổ đông đặc biệt	0	18.295.052	18.295.052	68,54%
1. Cổ đông nhà nước (EVN)	0	14.504.227	14.504.227	54,34%
2. Cổ đông lớn (ông Lê Minh Hà)	0	3.790.825	3.790.825	14,20%
3. Cổ đông chiến lược	0	0	0	0,00%
4. Cổ đông sáng lập	0	0	0	0,00%
5. Cổ đông FDI	0	0	0	0,00%
II. Người nội bộ	0	513.873	513.873	1,93%

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyên nhượng	Số lượng CP chuyên nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Hội đồng quản trị (Không bao gồm cổ phần của ông Lê Minh Hà)	0	287.683	287.683	1,08%
2. Ban Tổng Giám đốc (Không bao gồm cổ phần của Thành viên HĐQT)	0	5.215	5.215	0,02%
3. Ban Kiểm soát	0	209.475	209.475	0,78%
4. Giám đốc tài chính (Không có chức danh này)	0	0	0	0,00%
5. Quyền Kế toán trưởng	0	0	0	0,00%
6. Người được ủy quyền CBTT	0	11.500	11.500	0,04%
III. Người có liên quan của người nội bộ	0	393.929	393.929	1,48%
IV. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00%
V. Công đoàn công ty	0	0	0	0,00%
VI. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi	0	0	0	0,00%
VII. Cổ đông khác	0	7.488.465	7.488.465	28,06%
<i>1. Trong nước</i>	<i>0</i>	<i>7.482.849</i>	<i>7.482.849</i>	<i>28,03%</i>
1.1. Cá nhân	0	6.914.757	6.914.757	25,91%
1.2. Tổ chức (Không bao gồm cổ phần của EVN)	0	568.092	568.092	2,13%
<i>2. Nước Ngoài</i>	<i>0</i>	<i>5.616</i>	<i>5.616</i>	<i>0,02%</i>
2.1. Cá nhân	0	316	316	0,00%
2.2. Tổ chức	0	5.300	5.300	0,02%
TỔNG CỘNG	0	26.691.319	26.691.319	100,00%

Biểu đồ cơ cấu loại hình sở hữu của cổ đông


Bảng 18. Danh sách cổ đông đặc biệt

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước							
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	0106000804		Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, HN	14.504.227	54,34%	0
	Người đại diện sở hữu						
	+ Ông Lê Minh Hà (Chủ tịch HĐQT)	040058000053	03/10/2014	Số nhà 73, Long Biên 1, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	5.801.691	21,74%	0
	+ Ông Nguyễn Tài Sơn (Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc)	010388352	07/04/2006	Tổ 3, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	4.351.268	16,30%	0

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
	+ Ông Phạm Việt Hùng (Thành viên HĐQT)	013231785	07/11/2009	Ban quản lý đầu tư, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	4.351.268	16,30%	0
Tổng cộng A					14.504.227	54,34%	0
B. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)							
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	0106000804		Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	14.504.227	54,34%	0
2	Ông Lê Minh Hà	040058000053	03/10/2014	Số nhà 73, Long Biên 1, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	3.790.825	14,20%	0
Tổng cộng B (Không bao gồm CP của EVN)					3.790.825	14,20%	0
C. Cổ đông chiến lược (Không có)							
Tổng cộng C					0	0,00%	0
D. Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI (Không có)							
Tổng cộng D					0	0,00%	0
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)					18.295.052	68,54%	0

Bảng 19. Danh sách chi tiết về Người nội bộ

Loại cổ đông	Stt	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)	
HDQT	1	Ông Lê Minh Hà (Chủ tịch HĐQT)	0	3.790.825	3.790.825	14,20%	
	2	Ông Nguyễn Tài Sơn (Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc)	0	53.754	53.754	0,20%	
	3	Ông Phạm Viết Hùng (Thành viên HĐQT)	0	3.497	3.497	0,01%	
	4	Ông Phạm Nguyên Hùng (Thành viên HĐQT)	0	36.020	36.020	0,13%	
	5	Ông Lê Minh Tuấn (Thành viên HĐQT)	0	194.412	194.412	0,73%	
	Đại diện vốn của EVN tại TV1		Ông Lê Minh Hà (Chủ tịch HĐQT). Đại diện 40% phần vốn của EVN tại TV1	0	5.801.691	5.801.691	21,74%
			Ông Nguyễn Tài Sơn (Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc). Đại diện 30% phần vốn của EVN tại TV1	0	4.351.268	4.351.268	16,30%
		Ông Phạm Viết Hùng (Thành viên HĐQT). Đại diện 30% phần vốn của EVN tại TV1	0	4.351.268	4.351.268	16,30%	
BTGD	1	Ông Nguyễn Tài Sơn (Tổng Giám đốc) - đã tính vào Thành viên HĐQT	0	53.754	53.754	0,20%	
	2	Ông Đặng Hoàng Cầm (Phó Tổng giám đốc)	0	5.215	5.215	0,02%	
	3	Ông Phạm Nguyên Hùng (Phó Tổng Giám đốc) - đã tính vào Thành viên HĐQT	0	36.020	36.020	0,13%	
	4	Ông Lê Minh Tuấn (Phó Tổng Giám đốc) - đã tính vào Thành viên HĐQT	0	194.412	194.412	0,73%	

Loại cổ đông	Stt	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
BKS	1	Bà Trịnh Thúy Quỳnh (Trưởng ban đến ngày 26/04/2016)	0	0	0	0,00%
	2	Bà Cao Thúy Nga (Trưởng ban từ ngày 26/04/2016)	0	0	3.906	0,01%
	3	Ông Mai Hữu Thung (Thành viên)	0	205.569	205.569	0,77%
	4	Bà Nguyễn Hoàng Điệp (từ ngày 26/04/2016)	0	0	0	0,00%
	5	Bà Lê Thị Ngọc Bích (Thành viên đến ngày 26/04/2016)	0	157.946	157.946	0,59%
GĐ tài chính	Không có chức danh này					
Q. KTT	1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	0	0	0	0,00%
Người được ủy quyền CBTT	1	Ông Trịnh Quốc Trung	0	11.500	11.500	0,04%
CỘNG			0	18.966.871	18.966.871	71,06%

**3. Danh sách cổ đông khác có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:
Không**

4. Thông tin về cổ đông Nhà nước đồng thời là cổ đông đặc biệt, cổ đông lớn

Hiện tại, Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông Nhà nước đồng thời là cổ đông đặc biệt, cổ đông lớn.

Tên cổ đông: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Số Đăng ký doanh nghiệp: 0106000804

Địa chỉ: Số 11 Phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội

Số lượng cổ phần sở hữu: 14.504.227 cổ phần, chiếm 54,34% Vốn điều lệ

Thông tin về người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện I

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 14.504.227 cổ phần. Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty như sau:

- Ông Lê Minh Hà, Chủ tịch HĐQT: Đại diện cho 40% vốn của EVN tại Công ty tương ứng là 5.801.691 cổ phần, chiếm 21,74% Vốn điều lệ.
- Ông Nguyễn Tài Sơn, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: Đại diện 30% vốn của EVN tương ứng là 4.351.268 cổ phần, chiếm 16,3% Vốn điều lệ.
- Ông Phạm Viết Hùng, Thành viên HĐQT: Đại diện 30% vốn của EVN tương ứng là 4.351.268 cổ phần, chiếm 16,3% Vốn điều lệ.

5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

6. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

7. Các chứng khoán khác: Không

8. Giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan

8.1. Năm 2016, Ông Lê Minh Hà - Chủ tịch HĐQT; ông Nguyễn Hồng Tuấn - Q.KTT và bà Trần Thị Minh Hậu vợ ông Nguyễn Hồng Tuấn giao dịch cổ phiếu TV1, như sau:

Ông Lê Minh Hà, Chủ tịch HĐQT đã mua 1.079.264 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của công ty từ 10,159% lên 14,203%; thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 01/09/2016 đến ngày 08/09/2016;

Ông Nguyễn Hồng Tuấn, quyền Kế toán trưởng đã bán 687.994 cổ phiếu, sau khi thực hiện giao dịch ông Tuấn không còn nắm giữ cổ phiếu của công ty; thời gian thực hiện giao dịch ngày 06/09/2016;

Bà Trần Thị Minh Hậu vợ ông Nguyễn Hồng Tuấn, quyền Kế toán trưởng đã bán 105.070 cổ phiếu, sau khi thực hiện giao dịch bà Hậu không còn nắm giữ cổ phiếu của công ty; thời gian thực hiện giao dịch ngày 07/09/2016.

8.1.1. Năm 2016 Thành viên HĐQT (ông Nguyễn Tài Sơn, ông Phạm Viết Hùng, Phạm Nguyên Hùng, Lê Minh Tuấn), Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan không giao dịch cổ phiếu TV1

8.1.2. Năm 2016 các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Quyền Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan được nhận cổ tức năm 2015 bằng tiền; tỷ lệ thực hiện 10,5%.

8.2. Các giao dịch khác (các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người có liên quan đến chính Công ty): không

Tình hình khác:

Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016, Công ty tiến hành chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền với giá trị là 28.025.884.950 đồng; ngày đăng ký cuối cùng: 30/09/2016; tỷ lệ thanh toán 10,5% (01 cổ phiếu được nhận 1.050 đồng); ngày thanh toán: ngày 26/10/2016.

C. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, chỉ tiêu tài sản, nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận ròng đều vượt so với năm 2015 với tỷ lệ lần lượt là 2%, 2%, 4%, 10% và 20%

Doanh thu bán điện năm 2016 đạt 173,691 tỷ đồng, so với năm 2015 tăng 14,829 tỷ đồng, tỷ lệ tăng là 10%; doanh thu bán điện năm 2016 gần bằng kế hoạch đặt ra từ đầu năm (kế hoạch là 175 tỷ đồng).

Kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty xem Bảng tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 đã được kiểm toán kèm theo.

2. Phát triển thị trường

Năm 2016, Công ty đã ký được 180 hợp đồng với tổng giá trị là 550 tỷ đồng; các dự án thuộc EVN chiếm 70%, tương ứng 385 tỷ đồng; các dự án không thuộc EVN chiếm tỷ lệ 30%, tương ứng 165 tỷ đồng.

Đánh giá: Đã tập trung và đạt hiệu quả cao trong công tác phát triển thị trường, các hợp đồng ký trên đã thực hiện và nghiệm thu trong năm 2016 khoảng 190 tỷ; thực hiện và nghiệm thu trong năm 2017 và các năm tiếp theo khoảng 360 tỷ đồng.

Hiệu quả công tác đấu thầu các dự án nguồn, lưới điện còn thấp; so với năng lực của công ty thì giá trị hợp đồng khảo sát thiết kế công trình nhiệt điện, thủy điện, lưới điện còn thấp.

3. Thu hồi vốn, công nợ

Năm 2016, với sự bám sát của công ty với các chủ đầu tư và đối tác. Công ty đã thu được 755,325 tỷ đồng, vượt 95,374 tỷ đồng so với năm 2015, tỷ lệ 14,45% (năm 2015 thu được 659,951 tỷ đồng); Trong đó: Công ty mẹ đã thu được 658,342 tỷ đồng, 04 Công ty con thu được 96,983 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2016, các chủ đầu tư còn nợ Công ty 430,471 tỷ đồng, trong đó còn phải thu ngắn hạn là 395,561 tỷ đồng, còn phải thu dài hạn là 34,910 tỷ đồng.

Bảng 20. Thu hồi vốn và công nợ

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị	Còn phải thu khách hàng			Tiền thu 2016
	Ngắn hạn	Dài hạn	Cộng	
Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	44.536.813.811	6.124.942.164	50.661.755.975	16.322.023.905
Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 2	16.739.604.457	0	16.739.604.457	23.384.458.473
Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 3	30.070.841.545	0	30.070.841.545	21.285.636.231
Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	22.644.828.918	0	22.644.828.918	35.991.271.972
Công ty mẹ	281.568.062.062	28.785.439.395	310.353.501.457	658.341.457.458
Cộng	395.560.150.793	34.910.381.559	430.470.532.352	755.324.848.039

Bảng 21. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	Công ty TNHH MTV KSXD Điện 2	Công ty TNHH MTV KSXD Điện 3	Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	Cộng
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	485.537.261.571	20.293.794.581	12.834.980.000	19.139.489.824	16.085.754.053	553.891.280.029
1.1. Vay ngắn hạn ngân hàng	209.566.914.562	9.536.623.966	7.942.000.000	0	3.361.338.974	230.406.877.502
1.2. Vay ngắn hạn cá nhân	184.414.825.095	10.541.121.393	4.892.980.000	5.987.288.751	8.706.187.834	214.542.403.073
1.3. Vay lương	91.485.521.914	216.049.222	0	13.152.201.073	4.018.227.245	108.871.999.454
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	574.244.443.756	0	0	0	0	574.244.443.756
2.1. Vay dài hạn ngân hàng	574.244.443.756	0	0	0	0	574.244.443.756
Cộng	1.059.781.705.327	20.293.794.581	12.834.980.000	19.139.489.824	16.085.754.053	1.128.135.723.785

Đánh giá: Năm 2016 công ty đã hạn chế việc đi vay cả ngắn hạn và dài hạn, không những thế công ty đã giảm được 115,480 tỷ đồng. Trong đó:

Vay ngắn hạn giảm: 75 tỷ đồng

Vay dài hạn giảm: 40,48 tỷ đồng.

Số dư nợ từ 1.243,616 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2015) xuống còn: 1.128,135 (tại ngày 31/12/2016).



Giấy chứng nhận NMTĐ Lai Châu đạt giải thưởng "Công trình chất lượng cao" năm 2016





Thủy điện Lai Châu (Khánh thành ngày 20-12-2016)



Lễ ký kết hợp đồng giữa PECCI và đối tác nước ngoài về dự án thủy điện Yabassi nước Cộng hòa Cameroon

Bảng 22. Tổng hợp kết quả kinh doanh năm 2016
Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
A	1	2	3	4	5	6	7
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	536.178.848.098	34.542.595.776	27.124.610.235	19.475.315.549	25.387.769.311	-47.057.797.325	595.651.341.644
Giá vốn hàng bán	347.169.265.753	26.096.229.573	22.292.032.385	14.892.279.418	21.152.460.000	-47.057.797.325	384.544.469.804
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.009.582.345	8.446.366.203	4.832.577.850	4.583.036.131	4.235.309.311		211.106.871.840
Doanh thu hoạt động tài chính	4.534.475.911	2.418.455	14.315.664	13.136.469	10.914.657	-4.424.999.927	150.261.229
Chi phí hoạt động tài chính	109.743.380.458	1.367.400.498	1.082.232.818	336.510.000	743.237.384		113.272.761.158
- Trong đó: Chi phí lãi vay	109.671.030.137	1.367.400.498	1.082.232.818	336.510.000	743.237.384		113.200.410.837
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	92.545.641		92.545.641
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.279.631.760	4.104.930.384	2.613.573.673	3.451.860.001	2.652.223.738		46.102.219.556
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50.521.046.038	2.976.453.776	1.151.087.023	807.802.599	758.217.205	-4.424.999.927	51.789.606.714
Thu nhập khác	1.230.175.666	256.300.000	0	247.981.376	18.834.730		1.753.291.772

CHỈ TIÊU	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
Chi phí khác	6.365.447.433	365.412.241	61.616.526	82.868.391	129.444.205		7.004.788.796
Lợi nhuận khác	-5.135.271.767	-109.112.241	-61.616.526	165.112.985	-110.609.475		-5.251.497.024
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.385.774.271	2.867.341.535	1.089.470.497	972.915.584	647.607.730	-4.424.999.927	46.538.109.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.855.953.021	581.382.592	230.217.405	197.091.595	143.643.827		10.008.288.440
Lợi nhuận sau thuế TNDN	36.529.821.250	2.285.958.943	859.253.092	775.823.989	503.963.903	-4.424.999.927	36.529.821.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.369						1.369

Bảng 23. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	829.888.743.527	57.772.805.482	32.748.047.473	42.890.376.626	56.451.740.803	2.897.778.783	1.022.649.492.694
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	22.623.094.466	467.714.086	2.286.374.271	5.797.385.827	4.860.477.336	0	36.035.045.986
1. Tiền	22.623.094.466	467.714.086	2.286.374.271	5.797.385.827	4.860.477.336	0	36.035.045.986
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	332.797.743.853	49.109.368.455	18.150.924.469	33.981.484.384	31.229.125.712	2.897.778.783	468.166.425.656
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	281.568.062.062	44.536.813.811	16.739.604.457	30.070.841.545	22.644.828.918	0	395.560.150.793
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	24.910.468.151	486.879.123	100.000.000	330.000.000	710.588.937	0	26.537.936.211
6. Phải thu ngắn hạn khác	26.319.213.640	4.476.692.679	1.701.021.012	4.661.902.374	8.909.508.947	0	46.068.338.652
7. Dự phòng phải thu khó đòi	0	-391.017.158	-389.701.000	-1.081.259.535	-1.035.801.090	2.897.778.783	0
IV. Hàng tồn kho	474.401.441.448	8.195.722.941	12.310.748.733	3.111.506.415	20.287.679.697	0	518.307.099.234
1. Hàng tồn kho	474.401.441.448	8.195.722.941	12.310.748.733	3.111.506.415	20.287.679.697	0	518.307.099.234
V. Tài sản ngắn hạn khác	66.463.760	0	0	0	74.458.058	0	140.921.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	66.463.760	0	0	0	74.458.058	0	140.921.818
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	967.487.074.763	9.532.158.445	2.727.382.337	2.426.973.980	2.789.420.303	-37.446.778.783	947.516.231.045
I- Các khoản phải thu dài hạn	58.477.408.047	6.124.942.164	0	0	0	-2.897.778.783	61.704.571.428
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	28.785.439.395	6.124.942.164	0	0	0	0	34.910.381.559
2. Trả trước cho người bán dài hạn	29.691.968.652	0	0	0	0	0	29.691.968.652
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	0	0	0	0	0	-2.897.778.783	-2.897.778.783
II. Tài sản cố định	870.760.364.116	3.289.830.738	2.482.970.265	2.374.280.039	2.116.381.366	0	881.023.826.524
1. Tài sản cố định hữu hình	848.190.150.722	3.289.830.738	2.467.724.265	2.017.495.097	2.116.381.366	0	858.081.582.188
- Nguyên giá	1.087.469.231.768	27.171.228.650	14.277.488.449	8.249.576.098	5.983.011.607	0	1.143.150.536.572

TÀI SẢN	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
- Giá trị hao mòn lũy kế	-239.279.081.046	-23.881.397.912	11.809.764.184	-6.232.081.001	-3.866.630.241	0	-285.068.954.384
3. Tài sản cố định vô hình	22.570.213.394	0	15.246.000	356.784.942	0	0	22.942.244.336
- Nguyên giá	35.662.170.568	0	253.869.000	1.189.308.942	0	0	37.105.348.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	-13.091.957.174	0	-238.623.000	-832.524.000	0	0	-14.163.104.174
IV. Tài sản dở dang dài hạn	2.165.996.978	0	0	0	64.558.067	0	2.230.555.045
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.165.996.978	0	0	0	64.558.067	0	2.230.555.045
V. Đầu tư tài chính dài hạn	34.549.000.000	0	0	0	0	-34.549.000.000	0
1. Đầu tư vào công ty con	34.549.000.000	0	0	0	0	-34.549.000.000	0
VI. Tài sản dài hạn khác	1.534.305.622	117.385.543	244.412.072	52.693.941	608.480.870	0	2.557.278.048
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.534.305.622	117.385.543	244.412.072	52.693.941	608.480.870	0	2.557.278.048
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.797.375.818.290	67.304.963.927	35.475.429.810	45.317.350.606	59.241.161.106	-34.549.000.000	1.970.165.723.739

NGUỒN VỐN	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
A- NỢ PHẢI TRẢ	1.475.525.736.867	48.775.451.275	29.824.512.291	37.101.710.154	51.807.103.895	0	1.643.034.514.482
I. Nợ ngắn hạn	803.838.223.039	47.367.376.007	29.824.512.291	37.101.710.154	51.807.103.895	0	969.938.925.386
1. Phải trả người bán ngắn hạn	38.921.966.185	9.406.885.758	516.309.061	119.811.029	6.350.298.130	0	55.315.270.163
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	74.299.438.099	3.168.433.244	3.954.427.957	2.471.522.351	11.414.833.296	0	95.308.654.947

NGUỒN VỐN	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	51.540.770.194	2.260.637.804	898.554.820	1.109.230.800	652.589.601	0	56.461.783.219
4. Phải trả người lao động	74.766.378.965	5.658.344.840	7.450.829.909	6.700.727.000	1.037.233.106	0	95.613.513.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.321.358.038	0	25.144.032	58.787.920	70.574.890	0	1.475.864.880
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	47.563.327.061	0	0	0	0	0	47.563.327.061
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.210.959.595	5.657.100.906	3.551.610.093	6.018.577.751	15.683.598.458	0	56.121.846.803
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	485.537.261.571	20.293.794.581	12.834.980.000	19.139.489.824	16.085.754.053	0	553.891.280.029
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.676.763.331	922.178.874	592.656.419	1.483.563.479	512.222.361	0	8.187.384.464
II. Nợ dài hạn	671.687.513.828	1.408.075.268	0	0	0	0	673.095.589.096
1. Phải trả người bán dài hạn	76.715.957.282	1.408.075.268	0	0	0	0	78.124.032.550
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	20.727.112.790	0	0	0	0	0	20.727.112.790
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	574.244.443.756	0	0	0	0	0	574.244.443.756
VỐN CHỦ SỞ HỮU	321.850.081.423	18.529.512.652	5.650.917.519	8.215.640.452	7.434.057.211	-34.549.000.000	327.131.209.257
I. Vốn chủ sở hữu	321.850.081.423	18.529.512.652	5.650.917.519	8.215.640.452	7.434.057.211	-34.549.000.000	327.131.209.257
1. Vốn góp của chủ sở hữu	266.913.190.000	17.102.000.000	4.870.000.000	6.517.000.000	6.060.000.000	-34.549.000.000	266.913.190.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	17.698.806.154	1.427.512.652	780.917.519	1.698.640.452	1.374.057.211	0	22.979.933.988
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	0	0	0	0	0	500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.738.085.269	0	0	0	0	0	36.738.085.269

NGUỒN VỐN	Công ty mẹ	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty TNHH MTV khảo sát xây dựng điện 2	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Điều chỉnh	Hợp nhất
TỔNG CỘNG	1.797.375.818.290	67.304.963.927	35.475.429.810	45.317.350.606	59.241.161.106	-34.549.000.000	1.970.165.723.739

Nguồn: Báo cáo tài chính (công ty mẹ và hợp nhất) đã được kiểm toán (Báo cáo kiểm toán độc lập) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 số 139/2017/UHYACA-BCKT và số 140/2017/UHYACA-BCKT ngày 20/03/2017 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY ACA

Bảng 24. Tình hình chi trả cổ tức cho các cổ đông (đến ngày 31/12/2016)

Stt	Nội dung	Tỷ lệ thực hiện	Số tiền	Đã thanh toán	Còn phải thanh toán			Ghi chú
					Cộng	EVN	Khác	
1	Cổ tức năm 2008	18%	18.000.000.000	8.019.699.800	9.980.300.200	9.780.571.800	199.728.400	Bằng tiền
2	Cổ tức năm 2009	20%	20.000.000.000					Bằng cổ phiếu
3	Cổ tức năm 2010	15%	26.100.000.000					Bằng cổ phiếu
4	Cổ tức năm 2011	15%	30.014.647.500					Bằng cổ phiếu
5	Cổ tức năm 2012	12%	27.612.643.200	23.393.037.589	4.219.605.611	3.796.976.411	422.629.200	Bằng tiền
6	Cổ tức năm 2013	16%	36.816.857.600					Bằng cổ phiếu
7	Cổ tức năm 2014	15%	40.036.978.500	17.358.117.000	22.678.861.500	21.756.340.500	922.521.000	Bằng tiền

Stt	Nội dung	Tỷ lệ thực hiện	Số tiền	Đã thanh toán	Còn phải thanh toán			Ghi chú
					Cộng	EVN	Khác	
8	Cổ tức năm 2015	10,5%	28.025.884.950	13.563.231.000	14.462.653.950	12.229.438.350	2.233.215.600	Bằng tiền
	Bằng cổ phiếu		112.931.505.100					
	Bằng tiền		113.675.506.650	62.334.085.389	51.341.421.261	47.563.327.061	3.778.094.200	
	Cộng		226.607.011.750					

Tính đến ngày 31/12/2016 Công ty đã thanh toán 62.334.085.389 đồng trên tổng số 113.675.506.650 đồng, đạt tỷ lệ 55%. Số tiền cổ tức còn lại 51.341.421.261 đồng Công ty thực hiện chi trả trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

4. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong bối cảnh kinh tế suy giảm, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư thiết bị công nghệ phần mềm, vì vậy đã nhận được thêm công việc từ khảo sát cho dự án điện hạt nhân, được tham gia lập FS của Trung tâm nghiên cứu hạt nhân, đang tích cực để được nhận làm tổng thầu EPC dự án thủy lợi thủy điện.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2016 của PECC1 tăng 39,378 tỷ đồng so với năm 2015; trong đó tài sản ngắn hạn tăng 114,282 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 74,903 tỷ đồng.

Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

	Năm 2015	Năm 2016
Lợi nhuận thuần/QB tổng tài sản (%)	3,003	2,588

Chỉ số sinh lời của tài sản năm 2016 thấp hơn so với năm 2015 (năm 2016 là 2,588%/năm 2015 là 3,003%)

2. Tình hình nợ phải trả:

Một số chỉ tiêu đánh giá:

	Năm 2015	Năm 2016
Hệ số tự tài trợ (%)	16,572	16,604

Chỉ tiêu này cho ta thấy nguồn vốn của công ty được tài trợ chủ yếu từ nguồn vốn vay, năm 2016 chỉ tiêu hệ số tự tài trợ tăng 0,032% so với năm 2015 điều này cho thấy năm 2016 Công ty đã sử dụng hợp lý các nguồn vốn hơn năm 2015.

	Năm 2015	Năm 2016
Hệ số nợ trên tổng tài sản (%)	83,43	83,40

Năm 2015 công ty muốn sử dụng 100 đồng vốn thì công ty phải vay nợ 83,43 đồng; năm 2016 công ty muốn sử dụng 100 đồng vốn thì công ty chỉ phải vay nợ 83,40 đồng.

3. Lợi nhuận:

	Năm 2015	Năm 2016
Hệ số lợi nhuận trước thuế/VĐL (%)	21,60	19,40

Năm 2015 cứ 100 đồng vốn điều lệ, Công ty tạo ra 21,60 đồng lợi nhuận, năm 2016 cứ 100 đồng vốn điều lệ, công ty tạo ra được 19,40 đồng lợi nhuận.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công việc tư vấn tiếp tục giảm sút, khối lượng công tác khảo sát và tư vấn thủy điện giảm, áp lực cạnh tranh cao, năm 2017 Công ty cần kiện toàn bộ máy lãnh đạo điều hành,

xây dựng kế hoạch điều chỉnh nguồn nhân lực phù hợp với nguồn công việc, chú trọng nhân lực cho khối tư vấn lưới điện và nhiệt điện để nâng cao hiệu quả Công ty.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Mục tiêu hoạt động của công ty:

Công ty hoạt động với mục tiêu chiến lược là đầu tư phát triển bền vững, chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành nghề hoạt động; mục tiêu cụ thể là sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn, vì lợi ích đất nước, lợi ích khách hàng, lợi ích cổ đông và người lao động trong công ty.

2. Định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2013-2018:

2.1. Các giải pháp quản lý, điều hành Công ty

Để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của chủ sở hữu, Công ty sẽ tập trung thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành sau đây:

- Tổ chức công tác quản trị công nợ, đặc biệt là nợ phải thu, đối chiếu công nợ phải thu với khách hàng; xác định tuổi nợ làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu theo quy định; đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán các công trình hoàn thành và thu hồi nợ.

- Nỗ lực phát triển thị trường các ngành nghề tiềm năng; tham gia các dự án cấp ngành, lưới điện, lưới điện thông minh, an ninh thông tin hệ thống điện, thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo, thủy lợi, kè biển, kè sông, các dự án tại nước ngoài,... đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giám sát xây dựng các công trình điện (chú trọng các công trình đường dây và trạm biến áp) để tạo sự khác biệt vượt trội về giải pháp tiên tiến, tính hiệu quả cao về kinh tế - kỹ thuật; đồng thời tìm mọi biện pháp tối ưu chi phí để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, khuyến khích những người thực sự có năng lực và kinh nghiệm, những người lao động giỏi, tránh hiện tượng "chảy máu chất xám", tạo điều kiện cho họ gắn bó và cống hiến hết mình cho sự thành công của Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty TNHH một thành viên do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ.

- Hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ về quản trị Công ty liên quan đến việc đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng đối với các Trường đơn vị trực thuộc Công ty, những người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các công ty TNHH một thành viên do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ.

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, cán bộ quản lý; phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật chuyên sâu; mua sắm các thiết bị, phần mềm tính toán tiên tiến thuộc các lĩnh vực mới, tiềm năng; xây dựng văn hóa công ty, đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Mua sắm các thiết bị công nghệ, phần mềm tính toán tiên tiến trong khảo sát, thiết kế điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo, ổn định và an ninh thông tin hệ thống điện, lưới điện thông minh và đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật chuyên sâu

- Giảm giá các gói thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế thuộc lĩnh vực ngành nghề truyền thống và lĩnh vực mới, tiềm năng nhằm đảm bảo doanh thu, việc làm, thu nhập cho gần 1.139 người lao động trong công ty

- Nghiên cứu, lựa chọn một số dự án thủy điện nhỏ và tìm kiếm đối tác đầu tư để hình thành tổ hợp cùng tham gia đầu tư xây dựng công trình và thực hiện công tác tư vấn khảo sát, thiết kế và quản lý dự án.

2.2. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Doanh thu : 573,5 tỷ đồng

Trong đó: Khảo sát, tư vấn, xây lắp : 398,5 tỷ đồng

Bán điện : 175 tỷ

Chỉ tiêu tài chính:

Lợi nhuận trước thuế : 32,7 tỷ

Cổ tức : 11 % (giá trị 29,361 tỷ đồng)

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức chỉ là dự kiến; các chỉ tiêu trên sẽ được chuẩn xác lại khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua và được ghi nhận tại Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017.

V. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không

D. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

1. Sản xuất kinh doanh:

1.1. Những khó khăn

Nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty thấp. Khi cổ phần hoá, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/01/2006, giá trị thực tế vốn nhà nước tại Công ty được xác định là 113 tỷ, trong đó tổng giá trị tài sản từ nhà cửa, máy móc trang bị sản xuất là gần 77,339 tỷ và giá trị tài sản vô hình là 35,661 tỷ. Vốn điều lệ của Công ty được xác định 100 tỷ, số còn lại đã được Công ty trả Nhà nước. Như vậy, hàng năm hoạt động của Công ty phải trích khấu hao và trả cổ tức tương ứng cho giá trị tài sản vô hình. Để đảm bảo sản xuất, Công ty phải vay rất nhiều.

Công việc tư vấn giảm nhiều, nhiều công trình đầu tư bị cắt giảm hoặc kéo dài.

Áp lực cạnh tranh giữa các tổ chức tư vấn tăng cao.

Vốn của các chủ đầu tư thiếu, chậm trả tiền dẫn đến Công ty phải nợ lương người lao động, vay ngân hàng lãi suất cao. Chi phí tăng, lợi nhuận giảm.

1.2. Kết quả đạt được

Các dự án của Công ty thực hiện đã đáp ứng được tiến độ, chất lượng, hiệu quả, nhiều dự án quy mô lớn điều kiện địa chất phức tạp, xây dựng trong vùng động đất, được áp dụng công nghệ hiện đại đã được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả góp phần nâng cao thương hiệu Công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016: Tổng doanh thu vượt 3,92% (thực hiện: 597,555 tỷ đồng/kế hoạch 575,000 tỷ đồng); Lợi nhuận trước thuế tăng 2,038 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 4,58% (thực hiện: 46,538 tỷ đồng/kế hoạch 44,500 tỷ đồng).

So với năm 2015, năm 2016: Doanh thu tăng 24,1 tỷ đồng; Lợi nhuận ròng tăng 6,211 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 20,49%.

Ngày 20/03/2017 Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA đã ký báo cáo kiểm toán độc lập (công ty mẹ và hợp nhất). Ngày 27/03/2017, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện I đã công bố thông tin các báo cáo trên tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty để các nhà đầu tư tham khảo.

Năm 2016, Công ty đã tập trung vào công tác phát triển thị trường đạt hiệu quả cao. Công ty đã ký được 180 hợp đồng với tổng giá trị là 550 tỷ đồng; các dự án thuộc EVN chiếm 70%, tương ứng 385 tỷ đồng; các dự án không thuộc EVN chiếm tỷ lệ 30%, tương ứng 165 tỷ đồng. Các hợp đồng ký trên đã thực hiện và nghiệm thu trong năm 2016 khoảng 190 tỷ; thực hiện và nghiệm thu trong năm 2017 và các năm tiếp theo khoảng 360 tỷ đồng.

Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp hợp lý sản xuất; tích cực xúc tiến quan hệ với khách hàng để có hợp đồng EPC dự án thủy lợi, thủy điện, tham gia tổng thầu EPC dự án nhiệt điện; tích cực phát triển lực lượng tư vấn để tham gia tư vấn các dự án nhiệt điện, điện nguyên tử; đầu tư mua một số phần mềm tính toán hiện đại; đầu tư trang thiết bị công nghệ cao, phần mềm đồng bộ đã được ứng dụng hiệu quả vào các dự án; đào tạo nâng cao năng lực kỹ sư đã được tập trung, kỹ sư của Công ty đã làm việc trực tiếp với các kỹ sư của các hãng tư vấn nổi tiếng quốc tế, trực tiếp nghiên cứu thiết kế các dự án phức tạp, năng lực và kinh nghiệm được nâng cao, đảm đương được nhiệm vụ là tư vấn chính của các dự án quy mô lớn và phức tạp.

Các công ty TNHH MTV do công ty sở hữu 100% vốn điều lệ đã chủ động trong công việc, nâng cao năng lực hoạt động.

Đầu tư thủy điện Sông Bung 5 đúng năng lực của Công ty, năm 2016 doanh thu bán điện đạt 173,691 tỷ đồng, thành công của dự án Sông Bung 5 là cơ sở tích cực để khách hàng tin cậy, xem xét giao Công ty thực hiện dự án tổng thầu EPC thủy lợi, thủy điện.

Công tác thu hồi vốn được Công ty tập trung chỉ đạo và đã có chuyển biến tích cực; Sản xuất kinh doanh có lãi; thủy điện Sông Bung 5 đã phát điện thương mại; vốn được bảo toàn phát triển; tài sản của Công ty được tăng thêm.

Duy trì tốt các hoạt động văn hoá thể thao, tạo môi trường gắn kết người lao động trong Công ty và với các công ty Tư vấn của EVN.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các cuộc họp định kỳ, đột xuất kịp thời xem xét và thông qua các quyết định, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phân cấp, uỷ quyền cho Tổng giám đốc giải quyết một số vấn đề theo đúng chủ trương đã được thông nhất. Kịp thời chỉ đạo, giám sát, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty để giải quyết các vấn đề phát sinh, tạo điều kiện để các Công ty TNHH MTV phát triển việc làm, đảm bảo tốt kế hoạch SXKD. Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

3. Vấn đề khác

3.1. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Năm 2016 tuy vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn quan tâm đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Kết quả thực hiện như sau:

- Đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ là 4 người
- Đào tạo tại nước ngoài, công tác theo dự án là 14 người
- Đào tạo ngắn hạn trong nước: 398 người
- Đào tạo văn bằng hai: 1 người
- Lý luận chính trị: 3 người
- Cử đi hội thảo: 44 người
- Kinh phí cho công tác đào tạo của công ty năm 2016 là 1.333,350 triệu đồng

3.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của công ty

Công ty chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm đồng bộ, hiện đại đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Với mục tiêu đảm bảo mọi sản phẩm, dịch vụ luôn đạt chất lượng cao, tiến độ và giá thành cạnh tranh nhất, Công ty đã đầu tư nhiều phần mềm lớn, hiện đại phục vụ công tác tính toán, thiết kế công trình như Phần mềm Thiết kế chi tiết hóa kết cấu cột thép 3D-Bocad, phần mềm lập bản đồ địa chất 3D, phần mềm Autocad phục vụ thiết kế, phần mềm phân tích, tính toán cho nhà máy ANSY và các phần mềm phục vụ tính toán công trình thủy điện...

Công tác điều hành được thực hiện phần lớn bằng phần mềm, qua mạng máy tính đã giảm thiểu được thời gian, chi phí, nhân lực cũng như tối ưu hóa công tác văn thư, lưu trữ; sử dụng chữ ký số trong việc ký duyệt văn bản, hồ sơ đáp ứng nhanh chóng tiến độ thực hiện công việc.

Hệ thống thư điện tử Công ty tiện lợi, thân thiện người dùng đã được sử dụng phổ biến, thường xuyên trong gửi, nhận văn bản điện tử phục vụ công việc; đầu tư đồng bộ và đưa vào vận hành phòng họp hội nghị truyền hình trực tuyến góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án.

Hệ thống máy chủ và phần mềm đồng bộ của Công ty hoạt động ổn định, hiệu quả, đảm bảo vận hành tốt các dịch vụ mạng và các ứng dụng quản lý của như Điều hành văn bản, Quản lý nhân sự, Quản lý và thanh quyết toán hợp đồng ... cũng như công tác lưu trữ số.

Nhân lực của bộ phận chuyên trách quản lý, triển khai hệ thống công nghệ thông tin đã làm chủ được các dịch vụ, công nghệ và vận hành ổn định hệ thống, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

3.3. Công tác tuyển dụng

Năm 2016, đã tuyển dụng 44 lao động, trong đó công ty mẹ tuyển dụng: 30 lao động; các công ty con tuyển dụng: 14 lao động.

Trong năm 2016, riêng công ty mẹ có 2 người chuyển công tác; có 47 trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động và thôi việc, giải quyết cho 21 người hưởng chế độ hưu trí, tử tuất.

Công ty đã ban hành quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương đối với các đơn vị sản xuất, quản lý trực thuộc công ty tạo điều kiện ưu đãi để các lãnh đạo đơn vị kịp thời động viên các nhân sự có chất lượng lao động tốt, thu hút người lao động có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý về công ty, tránh tình trạng chảy máu chất xám... Tuy

nhiên, việc thực hiện tại đơn vị sản xuất chưa thực sự hiệu quả. Có một số kỹ sư đã chuyển đi nay muốn trở lại làm việc tại Công ty, số lượng ít nhưng là tín hiệu tốt.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và người đại diện tại các Công ty TNHH một thành viên.

Ban điều hành Công ty đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã có nhiều cố gắng để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Công tác phát triển thị trường đã được tập trung vào công việc có điều kiện thanh toán nhanh, tìm kiếm công việc từ các dự án chống biến đổi khí hậu, điện hạt nhân. Công tác thu hồi vốn đã được tập trung, tích cực.

Người đại diện tại các Công ty TNHH một thành viên đã chỉ đạo điều hành theo Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Các thành viên của Ban điều hành Công ty và các người đại diện có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

III. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. Định hướng phát triển giai đoạn 2013-2018

Tập trung chỉ đạo để Công ty thực hiện tốt định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2013-2018:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017-2020
- Khẩn trương quyết toán công trình nhà máy thủy điện Sông Bung 5
- Tích cực thu hồi công nợ, thực hiện đối chiếu công nợ đặc biệt là đối với nhà đầu tư có hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) để đề xuất EVN bù trừ công nợ trực tiếp qua Công ty mua bán điện. Tái cơ cấu khoản tiền cổ tức năm 2008, năm 2012, năm 2014 và năm 2015 mà Công ty đang còn nợ EVN.
- Phát triển việc làm, đa dạng hoá sản phẩm.
- Sắp xếp hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự toàn Công ty.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị Công ty, chú trọng về quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả thu hồi vốn.
- Phối hợp với các đối tác thành lập các liên doanh hoặc tham gia góp vốn để nghiên cứu, lựa chọn một số dự án thủy điện nhỏ có hiệu quả đầu tư cao, nhằm mang lại nhiều lợi nhuận cho công ty
- Xây dựng Công ty phát triển, đảm bảo hài hoà lợi ích người lao động và cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn.
- Năm 2013 mức cổ tức là 16%; năm 2014 mức cổ tức là 15%, mức cổ tức năm 2015 là 10,5%, mức cổ tức năm 2016 là 11%, phân đầu mức cổ tức các năm 2017-2018 từ 10% trở lên.

2. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Doanh thu	: 573,5 tỷ đồng	
Trong đó:	Khảo sát, tư vấn, xây lắp	: 398,5 tỷ đồng
	Bán điện	: 175 tỷ
Chỉ tiêu tài chính:		
	Lợi nhuận trước thuế	: 32,7 tỷ
	Cổ tức	: 11% (giá trị 29,361 tỷ đồng)

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện của Hội đồng quản trị năm 2017

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đã bầu HĐQT và BKS của nhiệm kỳ 2 (2013-2018).

Năm 2017, HĐQT tập trung chỉ đạo thực hiện:

- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 xem xét thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với các quy định của pháp luật đặc biệt là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.

- Hoàn thiện tổ chức và nhân sự của Công ty.

- Phát triển thị trường, chú trọng các dự án nhiệt điện, lưới điện, dự án chống biến đổi khí hậu, điện hạt nhân.

- Phát triển các dự án đầu tư, liên doanh với các nhà thầu mạnh để thực hiện các dự án EPC.

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu chi phí.

- Xây dựng và triển khai thực hiện văn hoá Công ty.

- Nâng cao chất lượng công tác quản trị công ty, chú trọng về quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả thu hồi vốn, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán với các chủ đầu tư

- Xây dựng Công ty phát triển, đảm bảo hài hoà lợi ích người lao động và cổ đông; bảo toàn và phát triển vốn.

- Năm 2013 mức cổ tức là 16%; năm 2014 mức cổ tức là 15%, năm 2015 mức cổ tức là 10,5%, năm 2016 mức cổ tức là 11%, phấn đấu mức cổ tức các năm 2017-2018 từ 10% trở lên

- Tập trung phát triển các dự án do EVN là chủ đầu tư

- Phát triển việc làm từ Tập đoàn Dầu khí, Than và các tập đoàn kinh tế tư nhân có dự án tại Việt Nam, Lào, Campuchia...

- Tích cực triển khai để được tham gia tổng thầu EPC dự án nhiệt điện; điện nguyên tử; thực hiện tổng thầu EPC các dự án thủy lợi

- Tích cực triển khai để được các chủ đầu tư giao thầu hoặc tham gia đấu thầu tư vấn xây dựng công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; các dự án về chống biến đổi khí hậu; các dự án về môi trường...

- Phối hợp với các đối tác thành lập các liên doanh hoặc tham gia góp vốn để nghiên cứu, lựa chọn một số dự án thủy điện nhỏ có hiệu quả đầu tư cao, nhằm mang lại nhiều lợi nhuận cho công ty

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, tập trung quyết toán các hợp đồng đã hoàn thành để thu hồi 5% vốn.

- Xử lý nợ tồn đọng.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với số lượng phù hợp, đồng bộ đầu tư trang thiết bị phần mềm công nghệ hiện đại.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm và các dịch vụ tư vấn

- Phát triển việc làm trong nước và nước ngoài, trong đó tập trung vào các dự án lưới điện, nhiệt điện, dự án năng lượng tái tạo, điện hạt nhân.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả tổng thầu EPC dự án thủy điện, thủy lợi. Phối hợp với các đối tác để thực hiện tổng thầu EPC các dự án nhiệt điện, dự án biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu phát triển dự án thủy điện để Công ty tiếp tục đầu tư.

- Tổ chức quản lý, vận hành công trình và thiết bị Thủy điện Sông Bung 5 an toàn và hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng công tác quản trị Công ty. Chú trọng về quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả thu hồi vốn.

E. Quản trị công ty

I. Hội đồng quản trị

Bảng 25. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng		
1	Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch	5.801.691	3.790.825	9.592.516	35,939%	Điều hành
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên	4.351.268	53.754	4.405.022	16,504%	Điều hành
3	Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên	4.351.268	3.497	4.354.765	16,315%	Không điều hành
4	Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên	0	36.020	36.020	0,135%	Điều hành
5	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	0	194.412	194.412	0,728%	Điều hành
	Cộng		14.504.227	4.078.508	18.582.735	69,621%	

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HDQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HDQT

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HDQT thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và theo các Nghị quyết/Quyết định của HDQT

Tại các cuộc họp HDQT, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các thành viên HDQT đã phối hợp với Tổng Giám đốc trong việc điều hành thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HDQT. Chủ tịch HDQT thường xuyên tham dự cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HDQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

Năm 2016 các Thành viên Hội đồng quản trị đã trực tiếp tham dự 03 phiên họp và 09 lần lấy ý kiến bằng văn bản.

Bảng 26. Số lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Minh Hà	Chủ tịch HĐQT	12	100%	
2	Nguyễn Tài Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	12	100%	
3	Phạm Việt Hùng	Phó trưởng Ban Quản lý đầu tư - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12	100%	
4	Phạm Nguyên Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	12	100%	
5	Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	12	100%	

Bảng 27. Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Trích yếu nội dung Nghị quyết
1	44	24/02/2016	Kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (triệu tập họp ĐHĐCĐ năm 2016 vào 8h00 thứ Ba, ngày 26/04/2016; ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự họp ĐHĐCĐ là ngày 14/03/2016; tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phiếu - 01 quyền biểu quyết).
2	45	01/03/2016	Sát nhập Đoàn Sơn La vào Đoàn Thiết kế thủy điện 1
3	46	18/03/2016	Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2015, kế hoạch năm 2016; việc lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2016; việc cử người thay thế thành viên Ban kiểm soát để đưa ra biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016...
4	47	28/04/2016	Thông qua chủ trương và phương án nhân sự được xem xét bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4
5	48	05/05/2016	Thông qua Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực năm 2016
6	49	06/05/2016	Bổ nhiệm ông Lê Minh Tuấn giữ chức vụ Trưởng phòng Tư vấn phát triển điện địa phương
7	50	20/05/2016	Bổ nhiệm ông Trần Xuân Sinh giữ chức vụ Trưởng Trung tâm Thí Nghiệm
8	51	01/07/2016	Về việc phân bổ lợi nhuận năm 2015 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Trích yếu nội dung Nghị quyết
			- Chi trả cổ tức cho các cổ đông: 28.025.884.950 đồng - Trích lập các quỹ: 2.250.084.448 đồng Trong đó: + Quỹ đầu tư phát triển: 750.028.149 đồng + Quỹ phúc lợi khen thưởng: 1.500.056.299 đồng + Lợi nhuận để lại: 0 đồng
9	52	14/07/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Vĩnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV KSTK xây dựng điện 4
10	53	15/07/2016	Thông qua chủ trương và phương án nhân sự được xem xét bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1
11	54	25/08/2016	Bổ nhiệm ông Lưu Văn Hạnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1
12	55	15/09/2016	Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền đồng Việt Nam theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ1 ngày 26/04/2016: - Nguồn chi trả: Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2015; - Ngày ĐKCC: 30/09/2016; - Tỷ lệ thực hiện: 10,5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.050 đồng); - Ngày thanh toán: 26/10/2016.

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 người, trong đó có 01 người có trình độ tiến sỹ; 01 người có trình độ thạc sỹ và 03 người có trình độ kỹ sư, cử nhân.

II. Ban Kiểm soát

Bảng 28. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng		
1	Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Nguyên Trưởng ban	0	0	0	0,000%	Đến ngày 26/04/2016
2	Ông Mai Hữu Thung	Thành viên	0	205.569	205.569	0,770%	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng		
3	Bà Lê Thị Ngọc Bích	Nguyên Thành viên	0	157.946	157.946	0,592%	Đến ngày 26/04/2016
4	Bà Cao Thúy Nga	Trưởng ban	0	3.906	3.906	0,015%	Từ ngày 26/04/2016
5	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	0	0	0	0,000%	Từ ngày 26/04/2016
	Cộng		0	367.421	367.421	1,377%	

a. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị (HDQT) và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Chủ động đề xuất với HDQT một số vấn đề liên quan về kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy định nội lệ, kiểm toán độc lập, thu hồi công nợ.
- Tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng Luật pháp.
- Kiểm tra, soát xét báo cáo bán niên và thẩm định báo cáo tài chính năm 2016

Năm 2016, Ban Kiểm soát đã thực hiện 6 cuộc họp có sự tham gia đầy đủ của các thành viên, sau mỗi cuộc kiểm soát đều có Biên bản làm việc của Ban Kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty. Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu, đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động; duy trì chế độ làm việc theo Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan, đã làm việc cẩn trọng, có tinh thần trách nhiệm, liên hệ và phối hợp tốt trong thực hiện nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.

b. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Năm 2016, tiếp tục có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HDQT và Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan; tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT và đã có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HDQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị Công ty.

c. Kiến nghị

Với mục tiêu phát triển Công ty ổn định và bền vững, Ban kiểm soát có một số kiến nghị chính như sau :

- Tìm kiếm và triển khai các hướng kinh doanh, các sản phẩm tư vấn mới, gia tăng thị phần tư vấn để đảm bảo doanh thu và lợi nhuận, phát triển Công ty ổn định và lâu dài;
- Giảm bớt đầu mối để nâng tầm quy mô và tập trung nguồn lực; quản lý chi phí, quản lý rủi ro và cải thiện năng suất lao động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng, bổ sung điều chỉnh và ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản quản trị Công ty nhằm quản lý chặt chẽ, chủ động thực hiện và công khai giám sát đánh giá hiệu quả;
- HĐQT cần quan tâm xem xét kế hoạch dòng tiền, có cơ chế phù hợp để công tác thu hồi công nợ đạt hiệu quả tốt, định kỳ kiểm điểm tình hình thực hiện;
- Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình hoàn thành, bám sát tiến độ thi công và quản lý tốt chi phí dở dang, phản ánh đúng giá trị các công trình dở dang thực hiện;
- Tăng cường công tác quản lý nợ phải thu, kiểm kê phân loại tuổi nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu theo qui định và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; từng bước giảm nợ phải thu;
- Từng bước đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 3 lần theo qui định, làm lành mạnh hoá tình hình tài chính;
- Về đầu tư xây dựng nhà máy thuỷ điện Sông Bung 5: Đề nghị Công ty thực hiện việc kiểm toán công trình hoàn thành, xác định khối lượng, đơn giá, tổng giá trị thực hiện đầu tư phù hợp với quy định làm cơ sở cho việc thanh quyết toán công trình, quản lý và trích khấu hao TSCĐ theo chế độ.
- Quản lý tốt các khoản tạm ứng, tích cực thu hồi hoàn ứng, giảm thời gian hoàn ứng....

III. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Q Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan

Bảng 29. Lương, thưởng, thù lao (đơn vị tính: đồng)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Lương bình quân/người/tháng	Lương chi đợt nghỉ mát, tết	Thù lao	Cộng
I	Hội đồng quản trị		1.544.400.000		24.000.000	72.000.000	1.640.400.000
1	Ông Lê Minh Hà	CT HĐQT	421.200.000	35.100.000	6.000.000		427.200.000
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	TV HĐQT - TGD	405.600.000	33.800.000	6.000.000		411.600.000
3	Ông Phạm Nguyên Hùng	TV HĐQT - Phó TGD	358.800.000	29.900.000	6.000.000		364.800.000
4	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT - Phó TGD	358.800.000	29.900.000	6.000.000		364.800.000
5	Ông Phạm Việt Hùng	TV HĐQT				72.000.000	72.000.000
II	Ban Tổng Giám đốc		358.800.000		6.000.000		364.800.000
1	Ông Đặng Hoàng Cầm	Phó TGD	358.800.000	29.900.000	6.000.000		364.800.000
III	Ban kiểm soát		223.922.100		6.000.000	88.000.000	317.922.100
1	Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Nguyên Trưởng BKS				16.000.000	16.000.000
2	Bà Lê Thị Ngọc Bích	Nguyên TV BKS				12.000.000	12.000.000
3	Bà Cao Thúy Nga	Trưởng BKS	223.922.100	18.660.175	6.000.000		229.922.100
4	Ông Mai Hữu Thung	TV BKS				36.000.000	36.000.000
5	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	TV BKS				24.000.000	24.000.000

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Lương bình quân/người/tháng	Lương chi đợt nghỉ mát, tết	Thù lao	Cộng
IV	Q. Kế toán trưởng		289.413.700		6.000.000		295.413.700
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Q. KTT	289.413.700	24.117.808	6.000.000		295.413.700
V	Người được ủy quyền CBTT		303.505.900		6.000.000		309.505.900
1	Ông Trịnh Quốc Trung	Trưởng phòng tổng hợp, Thư ký công ty	303.505.900	25.292.158	6.000.000		309.505.900
	TỔNG CỘNG		2.720.041.700		48.000.000	160.000.000	2.928.041.700

IV. Các khoản lợi ích khác:

Năm 2016 các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Quyền Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và những người có liên quan được nhận cổ tức năm 2015 bằng tiền; tỷ lệ thực hiện 10,5%.

Bảng 30. Danh sách Người nội bộ và người có liên quan nhận cổ tức năm 2015
Đơn vị: đồng

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Trước thuế	Khấu trừ thuế TNCN	Sau thuế
1	Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch HĐQT	3.980.366.250	199.018.313	3.781.347.937
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	56441700	2822085	53619615
3	Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên HĐQT	3.671.850	183.593	3.488.257
4	Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên HĐQT	37.821.000	1.891.050	35.929.950
5	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	204.132.600	10.206.630	139.925.970
6	Ông Đặng Hoàng Cẩm	Phó Tổng giám đốc	5.475.750	273.788	5.201.962
7	Bà Trịnh Thúy Quỳnh	Nguyên Trưởng BKS (đến ngày 26/04/2016)	0	0	0
8	Bà Lê Thị Ngọc Bích	Nguyên Thành viên BKS (đến ngày 26/04/2016)	165.843.300	8.292.165	157.551.135
9	Ông Mai Hữu Thung	Thành viên BKS	215.847.450	10.792.373	205.055.077
10	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Q. KTT	0	0	0
11	Ông Trịnh Quốc Trung	Tp. Tổng hợp, Thư ký công ty, CBTT	12.075.000	603.750	11.471.250
12	Bà Nguyễn Trà My (Vợ ông Nguyễn Tài Sơn)	Không	1.351.350	67.568	1.283.782
13	Bà Trần Thị Minh Hậu (Vợ ông Nguyễn Hồng Tuấn)	Không	0	0	0
14	Bà Nguyễn Thị Lượ (Vợ ông Mai Hữu Thung)	Không	412.274.100	20.613.705	391.660.395

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Trước thuế	Khấu trừ thuế TNCN	Sau thuế
15	Bà Cao Thúy Nga	Trưởng BKS (từ ngày 26/04/2016)	4.101.300	205.065	3.896.235
16	Bà Nguyễn Hoàng Diệp	Thành viên BKS (từ ngày 26/04/2016)	0	0	0
	Cộng		5.099.401.650	254.970.085	4.844.431.565

V. Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ

- a. Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ: Năm 2016 chỉ có ông Lê Minh Hà, ông Nguyễn Hồng Tuấn và bà Trần Thị Minh Hậu (vợ ông Nguyễn Hồng Tuấn) có giao dịch cổ phiếu TV1.
 - i. Ông Lê Minh Hà, Chủ tịch HĐQT đã mua 1.079.264 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của công ty từ 10,159% lên 14,203%; thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 01/09/2016 đến ngày 08/09/2016.
 - ii. Ông Nguyễn Hồng Tuấn, quyền Kế toán trưởng đã bán 687.994 cổ phiếu, sau khi thực hiện giao dịch ông Tuấn không còn nắm giữ cổ phiếu của công ty; thời gian thực hiện giao dịch ngày 06/09/2016.
 - iii. Bà Trần Thị Minh Hậu vợ ông Nguyễn Hồng Tuấn, quyền Kế toán trưởng đã bán 105.070 cổ phiếu, sau khi thực hiện giao dịch bà Hậu không còn nắm giữ cổ phiếu của công ty; thời gian thực hiện giao dịch ngày 07/09/2016
- b. Các Thành viên Hội đồng quản trị (ông Nguyễn Tài Sơn, ông Phạm Việt Hùng, ông Phạm Nguyên Hùng, ông Lê Minh Tuấn), thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Người được ủy quyền CBTT và những người có liên quan không giao dịch cổ phiếu TV1.
- c. Các giao dịch khác (các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn, cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn và người có liên quan đến chính Công ty): Không
- d. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

VI. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- 6.1. Các quy chế về quản trị Công ty được ban hành đã được Công ty nghiêm túc thực hiện.
- 6.2. Trong năm 2017 tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế còn thiếu để Công ty thực hiện.

E. Báo cáo tài chính

I. Ý kiến kiểm toán độc lập

1. Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập

Tên: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA

Trụ sở chính : Tầng 9, tòa nhà HL, số 82 đường Duy Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Phone : 844.3755 7446 Fax : 844.3755 7448 www.uhyvietnam.com.vn.

Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho Công ty :

Ông Nguyễn Tự Trung - Tổng Giám đốc, Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 1226-2014-112-1. Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm toán viên, Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 1395-2014-112-1.

II. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 (mã CK TV1) đã báo cáo, công bố thông tin toàn văn Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán số 139/2017/UHYACA-BCKT và số 140/2017/UHYACA-BCKT ngày 20/03/2017, tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải tại địa chỉ Website: <http://www.pecc1.com.vn> của công ty ngày 27/03/2017.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được đăng trên Tạp chí Thanh tra Tài chính - Cơ quan của Bộ Tài Chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Hà